



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG



2022

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 26 Định hướng phát triển
- 30 Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 36 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 38 Tổ chức và nhân sự
- 52 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 58 Tình hình tài chính
- 62 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 66 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 74 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 78 Những tiến bộ Công ty đã đạt được
- 80 Tình hình tài chính
- 82 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 83 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 83 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 84 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 88 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 92 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 95 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 98 Hội đồng quản trị
- 114 Ban Kiểm soát
- 118 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

- 130 Ý kiến kiểm toán
- 132 Báo cáo tài chính

ĐIỂM NHẤN NĂM 2022

713,01 Tỷ đồng
TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

121,44 Tỷ đồng
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
HỢP NHẤT

1.113,27 Tỷ đồng
DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT

151,63 Tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT

200 Tỷ đồng
VỐN ĐIỀU LỆ

01

THÔNG TIN CHUNG


- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 26 Định hướng phát triển
- 30 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Tên Tiếng anh	LAM DONG MINERALS AND BUILDING MATERIALS JOIN-STOCK COMPANY
Địa chỉ	Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Giấy CNĐKDN	5800391633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 28/05/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05/08/2022
Số điện thoại	02633 3828 127
Số fax	0263 3554 065

Vốn điều lệ:
200.000.000.000 đồng

Email	lbm@lbm-vn.vn
Website	www.lbm-vn.vn
Mã cổ phiếu	LBM
Sàn giao dịch	HSX
Logo	

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trở thành công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng

Thấu hiểu và đáp ứng thị trường với các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ chuyên nghiệp.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 12/1999, Cổ phần hóa một đơn vị trực thuộc tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thành công ty cổ phần Hiệp Thành với vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ. Đến hiện tại, LBM đang nắm giữ 94,39% vốn điều lệ tại công ty TNHH Gạch Hiệp Thành (Công ty CP Hiệp Thành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp năm 2017)

Ngày 20/12/2006: Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng

Ngày 23/8/2016: Thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bê tông LBM Đắc Nông tại huyện Đắc R' Lấp, tỉnh Đắc Nông

Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng và nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng

Trạm bê tông thứ 3 tại tỉnh Đắc Nông với công suất 180 m³/h đi vào hoạt động, nâng tổng công suất của Công ty TNHH MTV LBM Đắc Nông lên 360m³/h



Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (tiên thân của LBM) được thành lập theo Quyết định số 981/QĐ-UB, ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng với nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng

Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB, ngày 17/3/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng với vốn điều lệ 10 tỷ đồng. Đến quý 4 năm 2004, tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng

Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41,36 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM)

Ngày 01/10/2011: Công ty thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hiệp Thịnh Phát tại thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng, sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hiệp Thịnh Phát

Ngày 24/08/2015: Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng tại Đắc Nông

Giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng tại Đắc Nông

Tháng 12/2020: Thành lập trạm bê tông công suất 90m³/h và đấu nối thành công dự án điện mặt trời công suất 1MWp tại Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Giải thể, chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng – Xí nghiệp vận tải.
- Thành lập Công ty TNHH LBM Tân Phú với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- Thực hiện Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng.

THÀNH TỰU TIÊU BIỂU 2022



LBM

THÀNH THẬT - THÀNH TÂM - TRI ÂN



Thương hiệu mạnh ASEAN 2022



Lãnh đạo tiêu biểu ASEAN 2022



Bằng khen của Ủy ban mặt trận tổ quốc

Các thành tích mà Công ty đã đạt được không chỉ là sự ghi nhận quý báu đối với những cống hiến của toàn thể người lao động mà còn là động lực để LBM phấn đấu không ngừng phát triển trong thời gian tới.

NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
7710	Cho thuê xe có động cơ
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
2391	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
2393	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5224	Bốc xếp hàng hóa
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn).

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH VÀ KHU VỰC KINH DOANH

Công ty cổ phần khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng hoạt động sản xuất kinh doanh gồm 04 nhóm sản phẩm chính (i) Vật liệu xây dựng, (ii) Vật liệu chịu lửa, (iii) Cao lanh, (iv) Sản phẩm khác. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đều đạt được tiêu chuẩn ISO 9000-2001 do tổ chức BVQI cấp giấy chứng nhận, đáp ứng được yêu cầu chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước.

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

Nhóm sản phẩm vật liệu Xây dựng

- Bê Tông thương phẩm:

LBM đang dẫn đầu thị trường bê tông tươi tại tỉnh Lâm Đồng, hiện đang mở rộng và phát triển tại tỉnh Đắk Nông và một số vùng lân cận. Công ty có công nghệ sản xuất bê tông thương phẩm ở mức tiên tiến, liên tục đầu tư mở rộng từ năm 2013. Địa bàn hoạt động rộng khắp các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông, có khả năng cung cấp liên tục 1.500m³/ngày đêm. Năm 2018, LBM đã phát triển sản phẩm bê tông chất lượng cao - bê tông tự lèn, là giải pháp cho kết cấu phức tạp của các công trình hiện đại. Bê tông tự lèn được áp dụng cho các kết cấu cốt thép dày đặc, hình vòm, vỏ mỏng, kết cấu cần bề mặt hoàn thiện đẹp. Năm 2022, Công ty đã đầu tư mới 1 trạm trộn bê tông 180 m³/h tại Đắk Nông. Đến nay, LBM có 11 trạm trộn đặt tại các vị trí trọng điểm trong tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông. Với nguồn nguyên liệu là đá ve do chính công ty sản xuất, LBM đủ khả năng cung cấp các loại bê tông mác cao, đáp ứng yêu cầu của các công trình lớn.



Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông.

- Đá Xây dựng:

LBM sở hữu và có quyền khai thác 3 mỏ đá trên địa bàn TP. Đà Lạt, huyện Đức Trọng và TP. Bảo Lộc. Công nghệ sản xuất đá với hệ thống dây chuyền hiện đại với côn nghiền VSI và hệ thống sàng, sản xuất được đá ve kích thước từ 5mm đến 20mm bên cạnh các hệ nghiền PDSU, búa đập thủy lực (thay cho phương pháp phá đá quá cỡ bằng nổ mìn) nâng cao năng suất và chất lượng đá. Sản phẩm đá xây dựng của LBM phục vụ cho xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, giao thông, đáp ứng yêu cầu cốt liệu khi sản xuất bê tông Mác cao cũng như đáp ứng nhu cầu về đá sạch của các công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.



Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng

NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH VÀ KHU VỰC KINH DOANH

Nhóm sản phẩm vật liệu Xây dựng

- Gạch ngói Tuynen:

Gạch ngói Tuynen được sản xuất theo công nghệ tiên tiến với hệ thống lò nung sấy tuynel tại nhà máy Hiệp Thành - Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành. Công ty cũng đã đầu tư 15 tỷ đồng (năm 2008) vào dây chuyền sản xuất gạch tại Xí nghiệp Thịnh Mỹ nâng công suất lên gấp đôi. Các sản phẩm gạch, ngói, gạch trang trí của LBM với tiêu chuẩn đạt chất lượng cao, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2017/BXD.

Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng



Nhóm sản phẩm vật liệu chịu lửa

- Gạch chịu lửa:

Gạch chịu lửa được sử dụng rộng rãi trong việc xây dựng lò công nghiệp trong ngành luyện kim, sản xuất xi măng, thủy tinh, gốm sứ... Sản phẩm gạch chịu lửa ngoài các hình dáng thông thường, LBM còn sản xuất, cung cấp nhiều chủng loại với hình dáng, kích thước và kỹ thuật theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 09/2013/LBM-GCL.

Khu vực kinh doanh chính: tỉnh Lâm Đồng



- Ống Sứ chịu nhiệt và vật liệu chịu lửa dị hình



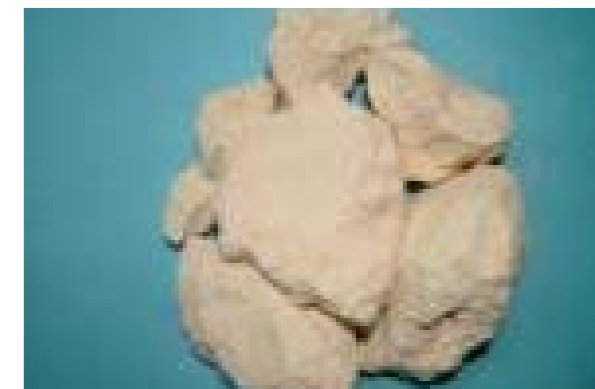
LBM là nhà cung cấp các Sản phẩm Ống Sứ chịu nhiệt và vật liệu chịu lửa dị hình có nhiều ứng dụng trong các ngành công nghiệp đúc, cơ khí, luyện kim. Sản phẩm chịu nhiệt do LBM sản xuất được xuất khẩu đi nhiều thị trường như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia...

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 08/2013/LBM-OSHA.

Khu vực kinh doanh chính: Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Việt Nam

Nhóm sản phẩm cao lanh

- Cao lanh HTK các loại, Cao lanh DQK:



Công ty đã đầu tư 19 tỷ đồng cho công nghệ chế biến cao lanh tại Xí nghiệp Hiệp Tiến. Đây là công nghệ tiên tiến ở Việt Nam hiện nay. Hệ thống phân ly hạt được nhập từ Vương quốc Anh (năm 2005), Đài Loan, Trung Quốc (2004 - 2005), cho ra các sản phẩm cao lanh chất lượng cao thay thế một phần cho cao lanh nhập khẩu từ các nước khác trong khu vực. Sản phẩm cao lanh của LBM đang được xuất khẩu đi các thị trường trong khu vực Đông Nam Á, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Sản phẩm được sử dụng dùng làm xương cho ngành công nghiệp gốm sứ dân dụng, gạch ceramic, granite, chất độn trong sơn nước... với chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu phục vụ cho các ngành gốm sứ dân dụng, gạch men, vật liệu chịu lửa.

Khu vực kinh doanh chính: Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam

Nhóm sản phẩm Bentonite

- Bentonite:



Sản phẩm Bentonite được sản xuất tại nhà máy Bentonite- Di Linh bằng dây chuyền công nghệ hiện đại, với công suất 7.500 tấn bentonite/năm. Chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khoan địa chất, xây dựng, phân bón, hóa chất, môi trường...

Khu vực kinh doanh chính: Việt Nam

NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Chúng tôi tự hào là một phần tạo nên sự thành công cho các công trình, dự án của Quý khách hàng và đối tác. LBM cam kết chỉ cung cấp các sản phẩm chất lượng cao theo yêu cầu của khách hàng.



KHÁCH SẠN ĐÀ LẠT PLAZA LÊ ĐẠI HÀNH



KHÁCH SẠN DẦU KHÍ VIETSOPETRO



KHÁCH SẠN HÙNG VƯƠNG



QUẢNG TRƯỜNG LÂM VIÊN



BẾN XE LIÊN TỈNH PHƯƠNG TRANG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT



KHÁCH SẠN LASAPINETTE PHAN CHU TRINH



**NHÀ GA VÀ CẦU CẢNG
SÂN BAY LIÊN KHƯƠNG**



BỆNH VIỆN HOÀN MỸ



BƯU ĐIỆN TRUNG TÂM TP. ĐÀ LẠT



BẢO TÀNG LÂM ĐỒNG



KHÁCH SẠN NGỌC LAN



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CHỢ ĐÀ LẠT

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị công ty cổ phần theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp.



Đại hội đồng cổ đông: Cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.



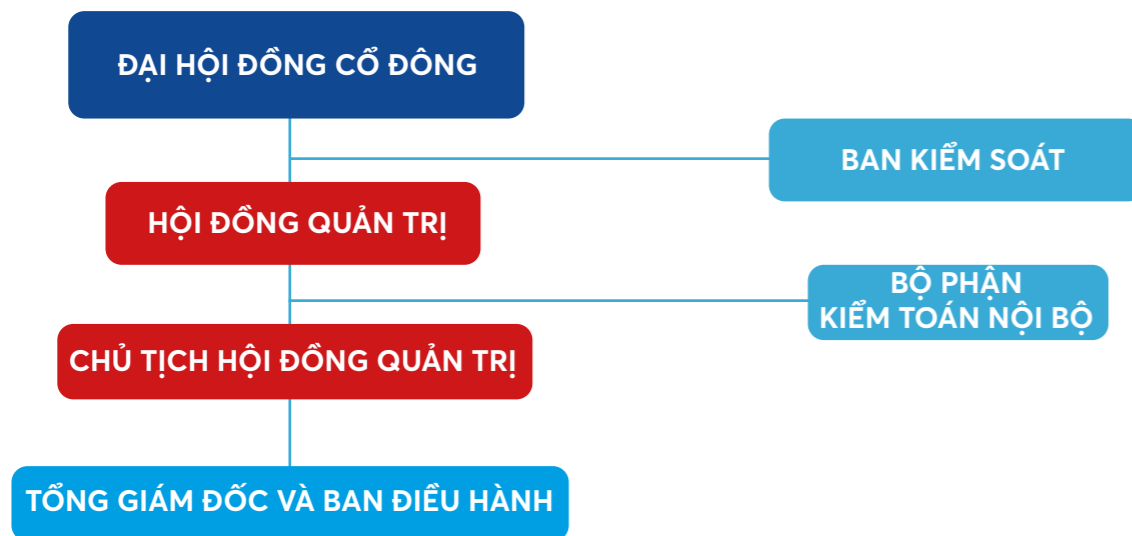
Hội đồng quản trị (HĐQT): Cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT của LBM gồm 07 thành viên.



Ban kiểm soát (BKS): Cơ quan thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. BKS của LBM gồm 03 thành viên.

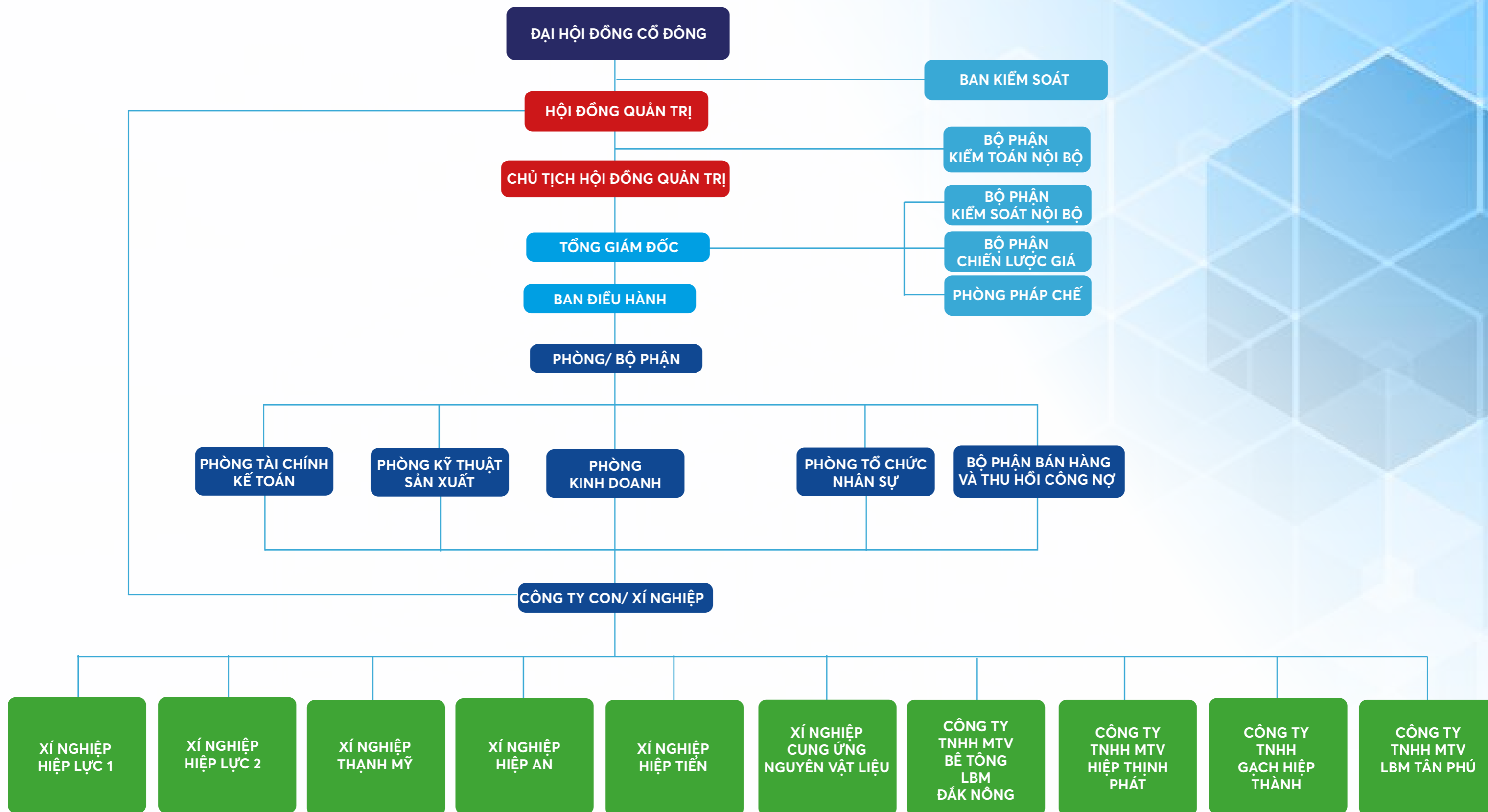


Ban Tổng Giám đốc (TGD): Với sự trợ giúp của Ban điều hành, TGD sẽ chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của LBM trên cơ sở tuân thủ quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV HIỆP THỊNH PHÁT

- **Địa chỉ:** 87 đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- **Lĩnh vực SXKD chính** Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- **Vốn điều lệ:** 5 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 100%

CÔNG TY TNHH GẠCH HIỆP THÀNH

- **Địa chỉ:** Số 14, Thôn Hiệp Thành 1, xã Tam Bố, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- **Lĩnh vực SXKD chính** Sản xuất gạch nung, bentonite
- **Vốn điều lệ:** 12,6 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 94,39%



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG LBM ĐẮK NÔNG

- **Địa chỉ:** Thôn 12, xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông.
- **Lĩnh vực SXKD chính** Sản xuất và cung cấp dịch vụ bê tông thương phẩm
- **Vốn điều lệ:** 50 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 100%

CÔNG TY TNHH MTV LBM TÂN PHÚ

- **Địa chỉ:** Số 368 ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- **Lĩnh vực SXKD chính** Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- **Vốn điều lệ:** 30 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 100%

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên	Địa chỉ
1. Xí nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2. Xí nghiệp Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3. Xí nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng
4. Xí nghiệp Hiệp Lực 1	87 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt
5. Xí nghiệp Hiệp Lực 2	87 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt
6. Xí nghiệp Cung ứng nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Phấn đấu trở thành nhà cung cấp hàng đầu các sản phẩm bê tông tươi, gạch, đá xây dựng, vật liệu chịu lửa, cao lanh và bentonite tại Việt Nam và nhiều quốc gia khác trên thế giới.
- » Tăng hiệu suất sử dụng vốn nhằm sử dụng có hiệu quả nhất nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.
- » Tiếp tục mở rộng thị trường bê tông thương phẩm ở tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai giáp ranh Lâm Đồng.
- » Thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.
- » Trang bị hệ thống công nghệ, máy móc, trang thiết bị hiện đại, chuyên dụng cho ra những sản phẩm bảo đảm chất lượng với giá cả cạnh tranh.
- » Luôn nỗ lực tìm kiếm cơ hội, khai thác mọi tiềm năng, không ngừng tăng trưởng, liên tục cải tiến chất lượng sản phẩm để mang đến những giá trị vượt trội.
- » Đặt lợi ích khách hàng là hàng đầu nhưng vẫn hài hòa lợi ích giữa Công ty và khách hàng; cam kết cung cấp sản phẩm bảo đảm chất lượng và số lượng.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản với công nghệ hiện đại, phù hợp điều kiện của Việt Nam, nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản và mức độ chế biến sâu khoáng sản.
- » Duy trì thương hiệu của Công ty trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm thông qua công nghệ tiên tiến.
- » Thực hiện việc sắp xếp công tác tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hợp lý và hiệu quả phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh thông qua rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận.
- » Tìm kiếm, khảo sát và đánh giá chất lượng, trữ lượng một số nguồn mỏ lân cận nhằm đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất.
- » Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.
- » Tối ưu hóa năng lực và hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh bằng quy mô kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- » Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn; tạo công ăn việc làm và nâng cao năng suất lao động cho cán bộ công nhân viên.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

" LBM luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội là yếu tố tạo nền tảng cho sự thành công lâu dài của Công ty."

Mục tiêu đối với môi trường

- » Công ty đề ra mục tiêu và cam kết bảo vệ môi trường thông qua việc hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại và sử dụng nguồn nguyên vật liệu xanh, các sản phẩm tái chế để giảm thiểu sự tiêu thụ nguồn năng lượng, chi phí cũng như giảm thiểu tác động đến môi trường.
- » Sử dụng năng lượng hiệu quả tại văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.

Mục tiêu đối với cộng đồng

- » Công ty quan tâm đến con người và luôn đào tạo, nâng cao trình độ làm việc của cán bộ và người lao động để phát triển bền vững. Công trình đang thi công được xây dựng dựa trên nguyên tắc an toàn lao động và bảo vệ môi trường, tạo môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn và hiệu quả. Công ty đảm bảo trả đủ lương, thưởng và đảm bảo đời sống tinh thần, sức khỏe của cán bộ, công nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty đặt mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực cho trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến. Ngoài ra, LBM cũng gắn kết người lao động trong các hoạt động vì cộng đồng thông qua tổ chức các sự kiện để giúp đỡ cộng đồng xung quanh.

Mục tiêu đối với xã hội

- » LBM cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường nguồn nhân lực trong công tác đào tạo nâng cao cùng với trách nhiệm đối với môi trường về chia sẻ đóng góp cho cộng đồng và xã hội.
- » Tích cực tham gia, hưởng ứng các hoạt động xã hội, từ thiện, hỗ trợ chính quyền địa phương.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022 chứng kiến sự khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng do khủng hoảng sau đại dịch Covid -19 và các cuộc xung đột chính trị trên thế giới. Tình hình lạm phát tăng nhanh tại các quốc gia phát triển, lạm phát toàn cầu tăng nhanh chóng, các cuộc xung đột chính trị gây gián đoạn thương mại và chuỗi cung ứng, chính sách Zero Covid của Chính phủ Trung Quốc càng làm trầm trọng hơn tình hình kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành các mục tiêu kinh tế – xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội XIII, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát sao tình hình, sự thay đổi chính sách của các nước để kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp vĩ mô phù hợp. Đồng thời triển khai tích cực, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế – xã hội. Nhờ đó, nền kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định và lạm phát trong tầm kiểm soát. Theo đó, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 ước tính tăng 8,02% so với năm trước (Theo số liệu của Tổng cục Thống kê), đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,22% với ngành khai khoáng tăng 5,19% và ngành xây dựng tăng 8,17% so với năm 2021. Cùng với đó, Lạm phát cũng được kiểm soát dưới mức 4% so với mục tiêu tổng quát được đưa ra.

Sự phát triển của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Khi nền kinh tế vững mạnh và tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng, trong đó có các sản phẩm của LBM sẽ tăng lên, mở ra cơ hội tăng trưởng cao và ổn định cho LBM. Ngược lại, khi nền kinh tế bất ổn hoặc chậm phát triển, thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm vật liệu xây dựng sẽ sụt giảm, làm cho hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bất lợi. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo đã chủ động đề ra những kế hoạch phù hợp, theo dõi sát sao các yếu tố vĩ mô để đưa ra những đánh giá, điều chỉnh và ứng phó kịp thời với những biến động có thể xảy ra trên thị trường. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển cùng với việc thực hiện tốt các mục tiêu đề ra trong năm 2023.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng là một công ty đại chúng, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, chịu sự điều chỉnh từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, ... Hiện nay, hệ thống Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì vậy Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Bên cạnh đó, Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.



RỦI RO THỜI TIẾT

Hoạt động kinh doanh của LBM chủ yếu là khai thác, vận chuyển các loại khoáng sản, đặc biệt là cao lanh, sét, bentonite... Vì vậy, thời tiết và tình hình thảm họa tự nhiên luôn là một trong những yếu tố tiên quyết cần được đặc biệt quan tâm. Nhất là khi địa hình đồi núi, nhiều dốc tạo nên một môi trường khó khăn và phức tạp hơn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Mùa mưa bão luôn là mối đe dọa tiềm ẩn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, việc lên kế hoạch kinh doanh để đối phó với tình huống khẩn cấp là rất quan trọng. Công ty đã lập kế hoạch dự phòng nguyên liệu sản xuất và phương án khai thác trong mùa nắng để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định trong suốt cả năm. Đồng thời, LBM cũng lên kế hoạch dự phòng nguyên liệu sản xuất trong trường hợp thời tiết xấu kéo dài, không thể vận chuyển nguyên liệu từ nhà cung cấp. Để đối phó với rủi ro trong vận chuyển hàng hóa, Công ty đã thiết lập các quy trình khảo sát địa hình trước khi cung cấp sản phẩm cho khách hàng. Nếu tuyến đường không đủ an toàn, tài xế sẽ được hướng dẫn để hoãn hoặc dừng lịch cấp bê tông cho đến khi thời tiết cải thiện. Điều này giúp đảm bảo an toàn cho nhân viên và khách hàng, cũng như bảo vệ uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty.

Ngoài ra, LBM cũng chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường và khai thác hợp lý các nguồn nguyên liệu sẵn có, nhằm giúp Công ty không chỉ đảm bảo được nguồn cung ổn định mà còn đóng góp vào việc bảo vệ môi trường, đem lại giá trị bền vững cho cổ đông và xã hội.

CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, LBM phải đối mặt với một rủi ro rất lớn trong quá trình làm việc, đó là tai nạn lao động. Vì thế, đảm bảo an toàn lao động là một vấn đề rất quan trọng đối với tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro này, Công ty đã áp dụng các quy trình và quy định về an toàn lao động trong quá trình sản xuất, vận hành máy móc và thiết bị. Công ty cung cấp trang bị bảo hộ lao động phù hợp với vị trí làm việc và vận hành cho nhân viên và công nhân. Đồng thời, công nhân được đào tạo để sử dụng máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển một cách an toàn, giảm thiểu nguy cơ tai nạn lao động và hỏng hóc thiết bị.

Để đảm bảo hiệu quả của các biện pháp an toàn, LBM tổ chức huấn luyện và kiểm tra định kỳ cho nhân viên và công nhân trên toàn hệ thống. Việc đào tạo và kiểm tra định kỳ giúp đảm bảo nhân viên luôn nắm vững kiến thức và quy định về an toàn lao động, nhằm tăng cường ý thức và nâng cao kỹ năng cho nhân viên trong việc giảm thiểu các rủi ro liên quan đến an toàn lao động.

Với sự nỗ lực và cam kết này, LBM mong muốn đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho tất cả nhân viên trong toàn hệ thống.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Hầu hết các nguồn nguyên liệu đầu vào của các Xí nghiệp và nhà máy trực thuộc Công ty đều đến từ các vùng nguyên liệu do Công ty quản lý và khai thác. Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản như: Quyền khai thác mỏ Bentonite Tam Bó, Quyền khai thác mỏ Sét Thạch Mỹ, Quyền khai thác mỏ Cao lanh Lộc Tân và Quyền khai thác mỏ Cao lanh Đa Quý (đang làm thủ tục gia hạn cấp phép), Quyền khai thác mỏ đá N'thon Hạ, Quyền khai thác mỏ sét Tutra, Quyền khai thác mỏ Đại Lào, Quyền khai thác mỏ Đá Cam Ly,.. Việc khai thác các vùng nguyên liệu đặt ra nhiều thách thức cho Công ty liên quan đến nguồn nguyên liệu đầu vào, bao gồm cạnh tranh trong việc tìm kiếm các mỏ nguyên liệu và chính sách điều tiết của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng. Do đó, Công ty đã tiến hành khảo sát tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới để đảm bảo kế hoạch phát triển lâu dài.

Để đảm bảo sự bền vững cho nguồn nguyên liệu hiện có, Công ty quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường và khai thác hợp lý những nguồn nguyên liệu sẵn có. Các hoạt động khai thác của LBM luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và đảm bảo rằng các mỏ nguyên liệu được khai thác một cách bền vững và hợp lý. Hiện nay, Công ty đang tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để giảm thiểu tác động của các hoạt động khai thác lên môi trường và cộng đồng địa phương, đồng thời tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường để đóng góp thiết thực cho xã hội, đảm bảo sự ổn định và bền vững cho hoạt động sản xuất của mình.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, trên thị trường ngày càng có nhiều doanh nghiệp mới tham gia vào lĩnh vực vật liệu xây dựng với tiềm lực tài chính mạnh mẽ, công nghệ hiện đại và các sản phẩm đa dạng, phong phú hơn. Điều này khiến cho Công ty đối mặt với nhiều sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường.

Tuy nhiên, LBM là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong khu vực, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng chiến lược phù hợp, đa dạng hóa các dòng sản phẩm và xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với nhu cầu phong phú của người tiêu dùng.

Để giữ vững thị trường và tiếp tục phát triển, Công ty không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ sản xuất và thiết kế, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Đồng thời, Công ty đầu tư vào quảng bá thương hiệu và xây dựng mối quan hệ khách hàng lâu dài thông qua việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu và yêu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất có thể.

Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng đến việc đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ của mình để đáp ứng nhu cầu khác nhau của các đối tượng khách hàng. Từ đó, Công ty có thể tối đa hóa lợi nhuận và tạo ra một vị thế vững chắc trên thị trường cạnh tranh.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn các nhân tố rủi ro bất khả kháng khác như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng, tác động lớn đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty, gây thiệt hại về con người và tài sản. Để chủ động đối phó với các rủi ro trên, Ban lãnh đạo Công ty lên kế hoạch lập các phương án chủ động phòng ngừa và xử lý trong trường hợp các biến cố trên có thể xảy ra.



02

TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 36 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 38 Tổ chức và nhân sự
- 52 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 58 Tình hình tài chính
- 62 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 66 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2021	Năm 2022		% TH 2022/ KH 2022	% TH 2022/ TH 2021
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Doanh thu thuần	787,83	800,00	1.113,27	139,16%	141,31%
2	Tổng doanh thu	790,90	-	1.117,78	-	141,33%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	99,83	-	150,56	-	150,81%
4	Lợi nhuận trước thuế	100,62	85,00	151,63	178,38%	150,69%
5	Lợi nhuận sau thuế	82,16	-	121,44	-	147,82%

Tình hình sản xuất kinh doanh của LBM có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2021. Cụ thể, các chỉ số về doanh thu thuần, lợi nhuận từ HĐKD, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 1.113,27 tỷ đồng, 150,56 tỷ đồng, 151,63 tỷ đồng và 121,44 tỷ đồng, tất cả các chỉ số đều vượt kế hoạch đề ra, và tăng lần lượt là 41,31%, 50,81%, 50,69% và 147,82%. Nguyên nhân là do trong năm 2022, sản lượng các sản phẩm của Công ty tăng mạnh, đặc biệt là đối với các mặt hàng bê tông tiêu thụ và mặt hàng gạch. Trong năm, tình hình dịch bệnh Covid 19 được kiểm soát, các dự án công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông và các tỉnh lân cận tiếp tục được triển khai xây dựng, giúp cho sản lượng tiêu thụ trong mảng vật liệu xây dựng thông thường gồm bê tông thương phẩm và gạch xây dựng tăng lên so với cùng kỳ năm ngoái.

Để đạt được thành công như vậy, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực, cố gắng hết sức, đồng lòng cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ đề ra. Những nỗ lực này không chỉ góp phần đạt được kết quả tốt mà còn thể hiện tính chuyên nghiệp, tập thể và trách nhiệm cao của Công ty. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai, Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh quản lý hiệu quả và đào tạo nhân viên để nâng cao năng lực và năng suất làm việc.

DOANH THU THUẦN

1.113,27

ĐẠT 139,16% KẾ HOẠCH

(Tỷ đồng)

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

151,63

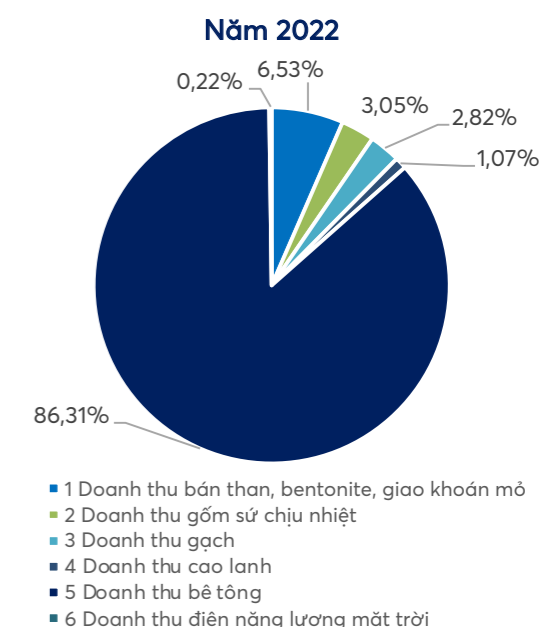
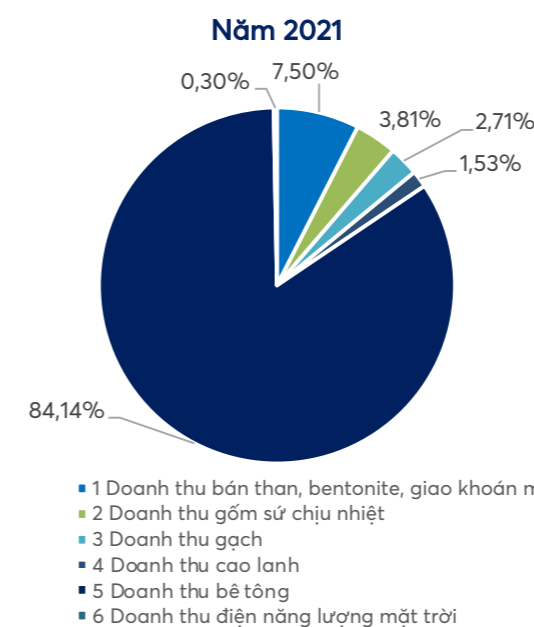
ĐẠT 178,38% KẾ HOẠCH

(Tỷ đồng)

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		% TH 2022/ TH 2021
		Giá trị	Tỷ trọng(%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)	
1	Doanh thu bán than, bentonite, giao khoán mỏ	59,14	7,50%	72,69	6,53%	122,90%
2	Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	30,05	3,81%	33,94	3,05%	112,96%
3	Doanh thu gạch	21,37	2,71%	31,41	2,82%	146,93%
4	Doanh thu cao lanh	12,03	1,53%	11,86	1,07%	98,63%
5	Doanh thu bê tông	663,15	84,14%	960,88	86,31%	144,90%
6	Doanh thu điện năng lượng mặt trời	2,37	0,30%	2,49	0,22%	104,93%
	Tổng cộng	788,12	100,00%	1.113,27	100,00%	141,26%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	76.400	0,38%
2	Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc	65.164	0,33%
3	Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	18	0,00%
4	Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	06	0,00%
5	Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	04	0,00%
6	Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	3.000	0,02%
7	Lê Thanh Hoà	Phó Tổng Giám đốc	151.000	0,76%
8	Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	1.200	0,01%

(*) Tính tại ngày 16/11/2022

NHỮNG THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Bổ nhiệm Ông Lê Thanh Hoà làm Phó Tổng Giám đốc ngày 21/06/2022.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN AN THÁI
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: Bình Định.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa.

Quá trình công tác:

05/1990 – 12/1996: Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng.

01/1997 - 09/2002: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty VLXD Lâm Đồng.

01/2003 - 04/2003: Cán bộ kỹ thuật Công ty.

05/2003 - 09/2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.

10/2006 - 06/2011: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.

07/2011 - 04/2016: Tổng Giám đốc Công ty.

04/2016 - 04/2021: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

05/2021 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành;

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát;

Chủ tịch Công ty TNHH MTV bê tông LBM Đắc Nông;

Chủ tịch Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú;

Chủ tịch Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 76.400 cổ phần, chiếm 0,38% vốn điều lệ.



ÔNG LÊ CAO QUANG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981.

Nơi sinh: Khánh Hoà.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng và Công nghiệp.

Quá trình công tác:

01/2022-05/2008: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây lắp.

06/2008-05/2009: Chuyên viên.

06/2009-09/2012: Phó Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực.

10/2012-06/2015: Quyền Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực.

07/2015-02/2022: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực.

02/2022-nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 2.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 2;

Giám đốc Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú;

Giám đốc Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 65.164 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN QUANG DUYỆT
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979.

Nơi sinh: Hà Tĩnh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa.

Quá trình công tác:

03/2007-09/2011: Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Sản xuất.

10/2011-12/2012: Phó Phòng Kỹ thuật - Sản xuất.

01/2013-12/2013: Quyền trưởng Phòng Kỹ thuật - Sản xuất.

01/2014-12/2014: Trưởng Phòng Kỹ thuật - Sản xuất.

01/2015-10/2016: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến.

11/2016- 02/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến.

03/2018-07/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.

08/2018-10/2019: Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng Phòng KT-SX, Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.

11/2019-01/2021: Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng Phòng KT-SX.

02/2022-nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng Phòng KT-SX, Giám đốc XN Hiệp Lực 1.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Phó Tổng Giám đốc, kiêm trưởng Phòng KT-SX, Giám đốc XN Hiệp Lực 1.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 18 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.



ÔNG TRẦN VĂN HIẾN
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1982

Nơi sinh: Quảng Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

06/2005-11/2007: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty.

12/2007-02/2009: Trưởng xưởng Xí nghiệp Hiệp An.

03/2009-07/2011: Nhân viên Xí nghiệp Hiệp An.

08/2011-11/2014: Phó Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An.

12/2014-04/2015: Nhân viên Kinh doanh Công ty.

05/2015-07/2018: Phó Phòng Kinh doanh Công ty.

08/2018-10/2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

10/2019-02/2023: Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông.

03/2023-nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 06 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN THANH TOÀN
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Nơi sinh: Lâm Đồng.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử

Quá trình công tác:

10/2001-09/2009: Nhân viên Phòng Kỹ thuật – Sản xuất Công ty.

09/2009-09/2011: Phó Phòng Kỹ thuật – Sản xuất Công ty.

10/2011-04/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát.

05/2012-12/2014: Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực.

01/2015-04/2016: Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật – Sản xuất.

05/2016-11/2017: Trưởng Phòng Kỹ thuật – Sản xuất.

11/2017-7/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Trưởng phòng KT-SX.

08/2018-04/2019: Phó Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.

04/2019-08/2019: Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.

08/2019-09/2020: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.

10/2020-nay: Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 04 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.



ÔNG LÊ NAM ĐỒNG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980

Nơi sinh: Quảng Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

04/2004-11/2007: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Hiệp Tiến.

12/2007-05/2012: Nhân viên kế toán Công ty.

06/2012-02/2014: Phó phòng Tài chính – Kế toán.

03/2014-04/2016: Quyền Kế toán trưởng Công ty, Quyền Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.

08/5/2016-06/8/2021: Kế toán trưởng Công ty kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.

8/2021-nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Phó Tổng Giám đốc Công ty, kiêm Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành;

Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông;

Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú;

Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 3.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LÊ THANH HÒA
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

04/2013-07/2013: Nhân viên Phòng Kinh doanh.

07/2013-01/2016: Phó Phòng Kinh doanh.

03/2016-06/2020: Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ.

07/2020-06/2022: Trưởng Phòng Kinh doanh.

07/2022-nay: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Trưởng Phòng Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022: 151.000 cổ phần, chiếm 0,76% vốn điều lệ.



BÀ DƯƠNG THỊ NGỌC NGÂN
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1988.

Nơi sinh: Đà Lạt

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - ngân hàng.

Quá trình công tác:

10/2010-08/2021: Nhân viên Phòng Tài chính- Kế toán.

08/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có.

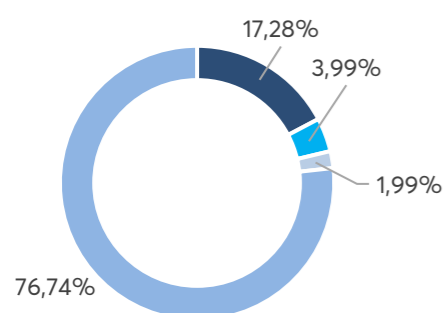
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.200 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

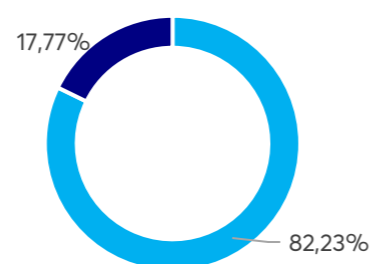
STT	Chỉ tiêu - Công ty mẹ	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	536	100%	602	100%
1	Trình độ Đại học	98	18,28%	104	17,28%
2	Trình độ Cao đẳng	24	4,48%	24	3,99%
3	Trung cấp	11	2,05%	12	1,99%
4	CN có tay nghề	403	75,19%	462	76,74%
II	Theo giới tính	536	100%	602	100%
1	Nam	433	80,78%	495	82,23%
2	Nữ	103	19,22%	107	17,77%
Tổng cộng		536	100%	602	100%

Theo trình độ lao động



■ Trình độ Đại học ■ Trình độ Cao đẳng
■ Trung cấp ■ CN có tay nghề

Theo giới tính

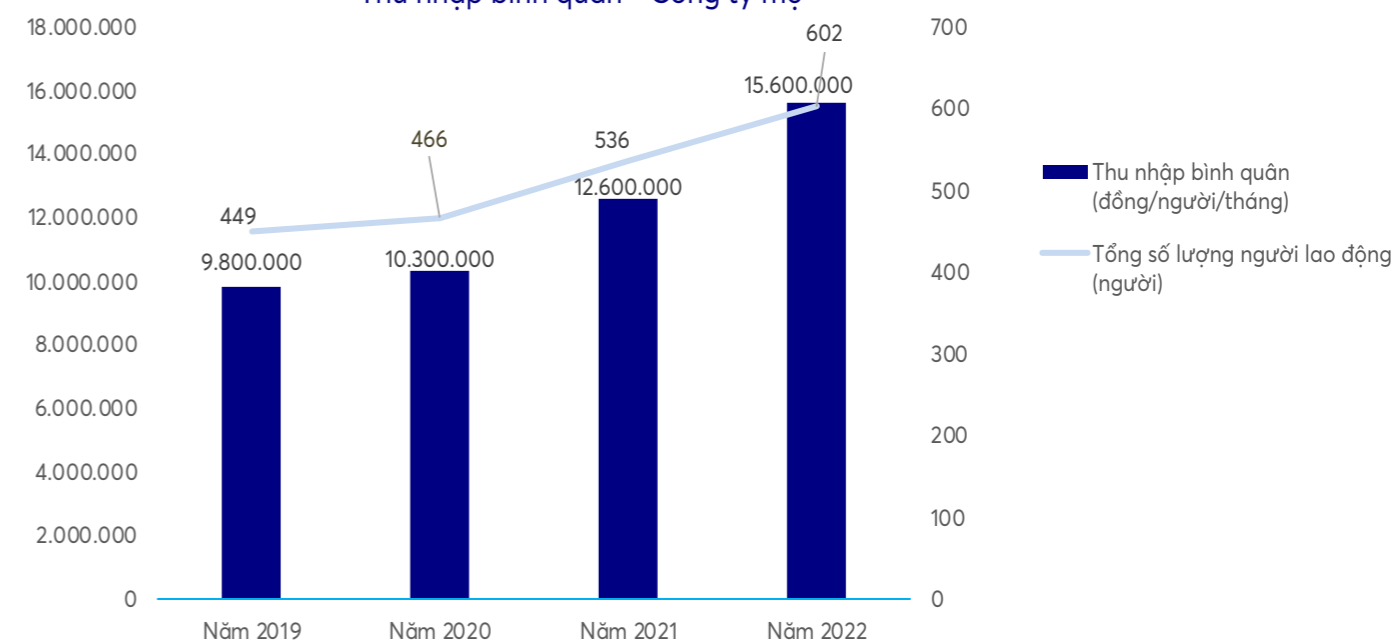


■ Nam ■ Nữ

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu - Công ty mẹ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	585	602	536	602
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.800.000	10.300.000	12.600.000	15.600.000

Thu nhập bình quân - Công ty mẹ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Về tuyển dụng

Công ty luôn chú trọng xây dựng những chính sách phát triển nhân lực hiệu quả nhằm kích thích sự phát triển năng lực cá nhân. Đảm bảo sự ổn định và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên cho doanh nghiệp, luôn tổ chức bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn giúp nhân viên cải thiện năng lực cá nhân và hỗ trợ nhân viên hoàn thành tốt các công việc được giao. Nhằm thu hút nhân tài, Công ty có chính sách ký hợp đồng trước thời hạn đối với lao động có tiến bộ đột phá.



Về Đào tạo

Công ty cũng đã triển khai chương trình đào tạo cán bộ nguồn, đào tạo thường xuyên lao động trẻ để kế thừa đội ngũ nhân sự chủ chốt, bao gồm nhận diện các ứng viên có tiềm năng, tạo điều kiện tham gia vào các chương trình đào tạo thiết thực và trao cơ hội để phát huy năng lực và phát triển sự nghiệp lâu dài, bền vững với Công ty.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Lương thưởng: Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc, chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, bộ phận hoàn thành xuất sắc công việc và có đóng góp đối với hoạt động của Công ty, đồng thời có biện pháp xử lý đối với các cá nhân có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến Công ty.

Phúc lợi, đãi ngộ: khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tổ chức nghỉ dưỡng cho người lao động toàn Công ty, thai sản, hiếu hỷ, ...



Môi trường công việc

Điều kiện và môi trường làm việc hiện đại, khang trang. Nhân viên văn phòng được trang bị đồng phục chuyên nghiệp. Tất cả công nhân các xí nghiệp được trang bị bảo hộ lao động như quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, mũ bảo hộ, găng tay và mặt nạ bảo hộ. Công tác an toàn lao động được đặt lên hàng đầu, các nguyên tắc an toàn kỹ thuật được tuân thủ nghiêm ngặt, lịch bảo trì bảo dưỡng máy móc trang thiết bị được đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC HẠNG MỤC CÔNG TY THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TỪ NĂM 2021

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị hợp đồng bao gồm thuế (tỷ đồng)	Trạng thái
1	Xe ô tô Bá Vương Howo 70 tấn tại Tây Đại Lào	2	4,68	
2	Trạm bê tông 180m ³ /h tại Xuân Thọ hoặc Tân Phú	1	5,9	Chưa tiến hành
	TỔNG CỘNG	3	10,58	

CÁC HẠNG MỤC CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2022

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị hợp đồng bao gồm thuế (tỷ đồng)	Trạng thái
1	Xe quản lý	1	2,69	-
2	Xe phục vụ sản xuất	44	71,01	-
3	Máy móc, thiết bị	3	7,56	-
4	Hệ máy móc thiết bị tại Tây Đại Lào	7	6,65	-
5	Nhà bảo trì xe cơ giới tại Tây Đại Lào	1	1,39	Đã hoàn thiện năm 2023
6	Giá trị đầu tư trạm bê tông tại Tân Phú, Đồng Nai	1	28,0	Đang thực hiện
	TỔNG CỘNG	57	117,3	-

CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

- Dự án mở rộng trạm bê tông tại Tam Bốc - Di Linh, dự án đầu tư trạm trộn bê tông tại Tân Phú - Đồng Nai và dự án mở rộng trạm bê tông tại Nhân Cơ - Đăk Nông: Đang triển khai mặt bằng. Thực hiện các thủ tục để lắp đặt trạm.
- Thuê đất tại Khu Công nghiệp Lộc Sơn - TP. Bảo Lộc: Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Lộc Sơn - Phú Hội đã bố trí quỹ đất cho Công ty, đang thực hiện lập dự án đầu tư.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV HIỆP THỊNH PHÁT

- **Địa chỉ:** 87, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- **Lĩnh vực SXKD chính** Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- **Vốn điều lệ:** 5 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
1	Vốn điều lệ	5	5,00	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	12,8	13,05	101,93%
3	Doanh thu thuần	34,4	36,99	107,52%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21,6	20,97	97,08%
5	Lợi nhuận khác	1	0,00	0,33%
6	Lợi nhuận trước thuế	21,14	18,73	88,60%
7	Lợi nhuận sau thuế	16,9	14,97	88,56%

CÔNG TY TNHH GẠCH HIỆP THÀNH

- **Địa chỉ:** Số 14, Thôn Hiệp Thành 1, xã Tam Bố, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- **Lĩnh vực SXKD chính** Sản xuất gạch nung, bentonite
- **Vốn điều lệ:** 12,6 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 94,39%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
1	Vốn điều lệ	12,60	12,60	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	83,5	85,24	102,08%
3	Doanh thu thuần	23	26,32	114,43%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,6	10,20	118,60%
5	Lợi nhuận khác	0,02	0,03	150,00%
6	Lợi nhuận trước thuế	7,2	5,79	80,42%
7	Lợi nhuận sau thuế	6,5	4,69	72,11%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÊ TÔNG LBM ĐẮK NÔNG

- **Địa chỉ:** Thôn 12, xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.
- **Lĩnh vực SXKD chính** Sản xuất và cung cấp dịch vụ bê tông thương phẩm
- **Vốn điều lệ:** 50 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
1	Vốn điều lệ	50	50,00	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	74,5	70,67	94,86%
3	Doanh thu thuần	96,6	104,91	108,60%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,6	8,74	56,03%
5	Lợi nhuận khác	0,01	0,50	5000,00%
6	Lợi nhuận trước thuế	10,9	3,59	32,91%
7	Lợi nhuận sau thuế	10,3	3,40	33,05%

CÔNG TY TNHH MTV LBM TÂN PHÚ

- **Địa chỉ:** Số 368, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- **Lĩnh vực SXKD chính** Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- **Vốn điều lệ:** 30 tỷ đồng
- **Tỷ lệ góp vốn:** 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
1	Vốn điều lệ	10	10	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	10	10	100,00%
3	Doanh thu thuần	-	-	-
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-
5	Lợi nhuận khác	-	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	-	-	-
7	Lợi nhuận sau thuế	-	-	-

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	544,08	713,01	131,05%
2	Doanh thu thuần	787,82	1.113,27	141,31%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	99,83	150,55	150,81%
4	Lợi nhuận khác	0,79	1,08	136,38%
5	Lợi nhuận trước thuế	100,62	151,63	150,69%
6	Lợi nhuận sau thuế	82,16	121,44	147,82%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	25% VDL	15% VDL	-

Chỉ tiêu - Hợp nhất	ĐVT	Năm 2022	
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,01	1,76
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,38	1,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	20,13	25,18
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	25,20	33,65
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,29	8,68
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,58	1,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	10,43	10,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	20,37	25,09
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	16,51	19,32
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,67	13,52

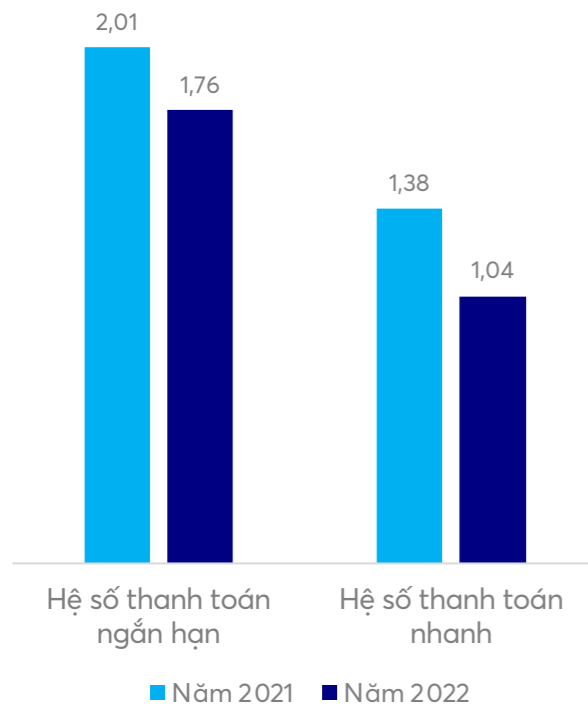


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh phản ánh khả năng của Doanh nghiệp trong việc thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn. Các chỉ tiêu có chiều hướng giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn duy trì mức độ lớn hơn 1 cho thấy khả năng tài chính của doanh nghiệp vẫn duy trì ở mức cân bằng. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,01 xuống 1,76 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,38 xuống 1,04 lần. Trong năm 2022, tài sản ngắn hạn tăng 44,71%, tương đương tăng 97,31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu đến từ khoản mục hàng tồn kho tăng 60,38 tỷ đồng, trong khi đó, nợ ngắn hạn với mức tăng nhiều hơn là 64,52%. Công ty thực hiện chính sách dự trữ lượng tồn kho nguyên vật liệu trong bối cảnh giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng như hiện nay. Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán tuy có sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán, đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn, đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.



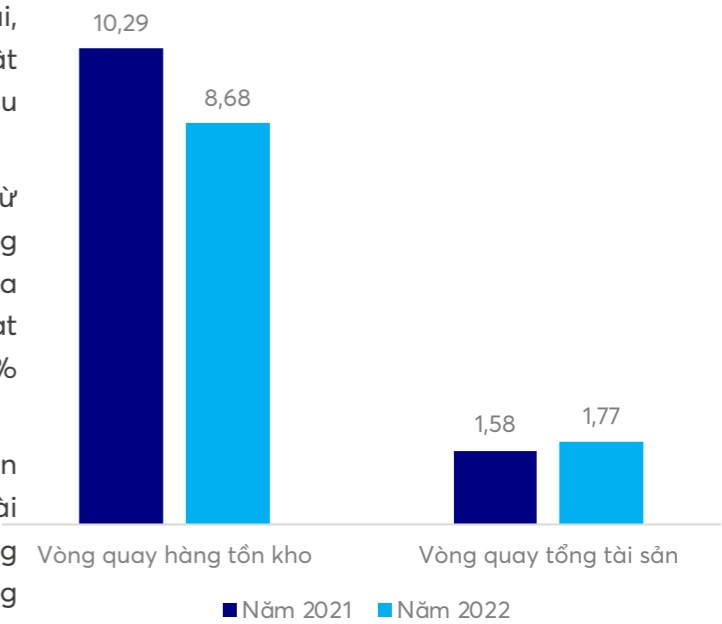
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm, vòng quay hàng tồn kho giảm từ 10,29 vòng xuống 8,68 vòng do khoản mục hàng tồn kho tăng 88,74% so với năm 2021, đạt 128 tỷ đồng cùng với giá vốn hàng bán tăng 40,35% so với năm ngoái, nguyên nhân đến từ sự biến động của giá nguyên vật liệu, do đó, Công ty có chính sách tích trữ nguyên liệu tại thời điểm 31/12/2022.

Bên cạnh đó, Vòng quay tổng tài sản có xu thế tăng từ 1,58 vòng lên 1,77 vòng, nguyên nhân là do tốc độ tăng của tổng tài sản thấp hơn so với đà tăng trưởng của doanh thu; cụ thể doanh thu thuần tăng 41,31%, đạt 1.113,27 tỷ đồng, trong khi tổng tài sản tăng 31,05% đạt 713 tỷ đồng.

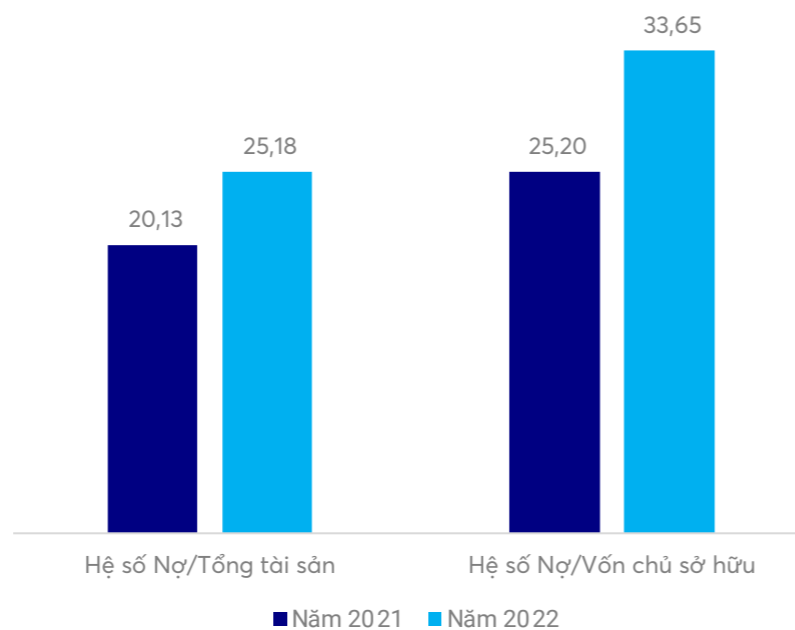
Các chỉ số về năng lực hoạt động cho thấy sự ổn định về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2022. Có được kết quả này đến từ thị trường tiêu thụ tăng mạnh đối với mặt hàng bê tông thương phẩm. Do đó, doanh thu thuần và giá vốn hàng bán năm 2022 đều ghi nhận tăng so với năm tài chính 2021.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

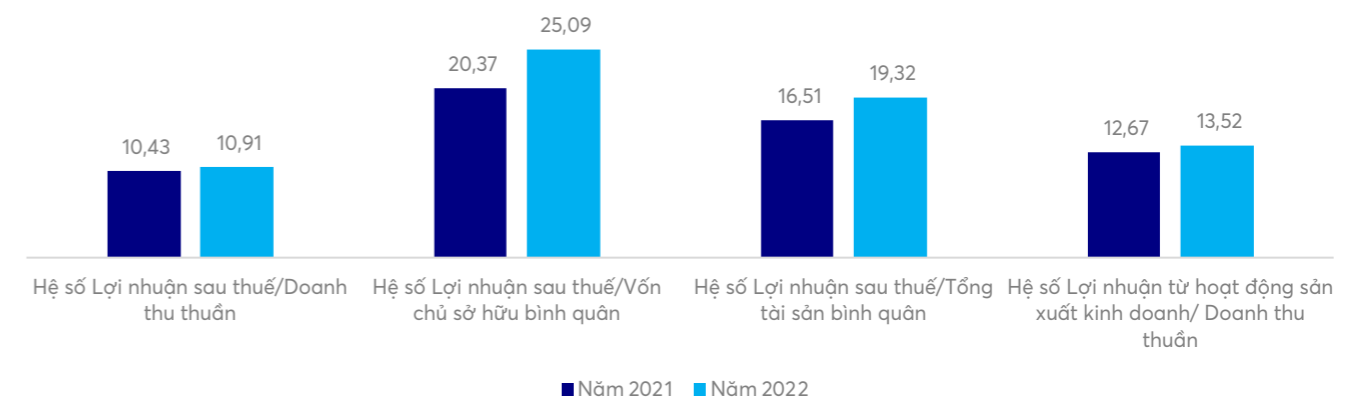
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn 2022 cho thấy tình hình tài chính của LBM vẫn duy trì ở mức an toàn. Các hệ số có chiều hướng tăng lên, cụ thể hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 20,13% lên 25,18% cho thấy so với năm 2021, tỷ lệ nợ năm 2022 chiếm hơn 25% tổng tài sản, nguyên nhân đến từ khoản vay và nợ thuê tài chính tăng lên đạt 24 tỷ để bổ sung vốn lưu động cùng với sự tăng lên của tài sản cố định, hàng tồn kho, tiền và các khoản tương đương tiền.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

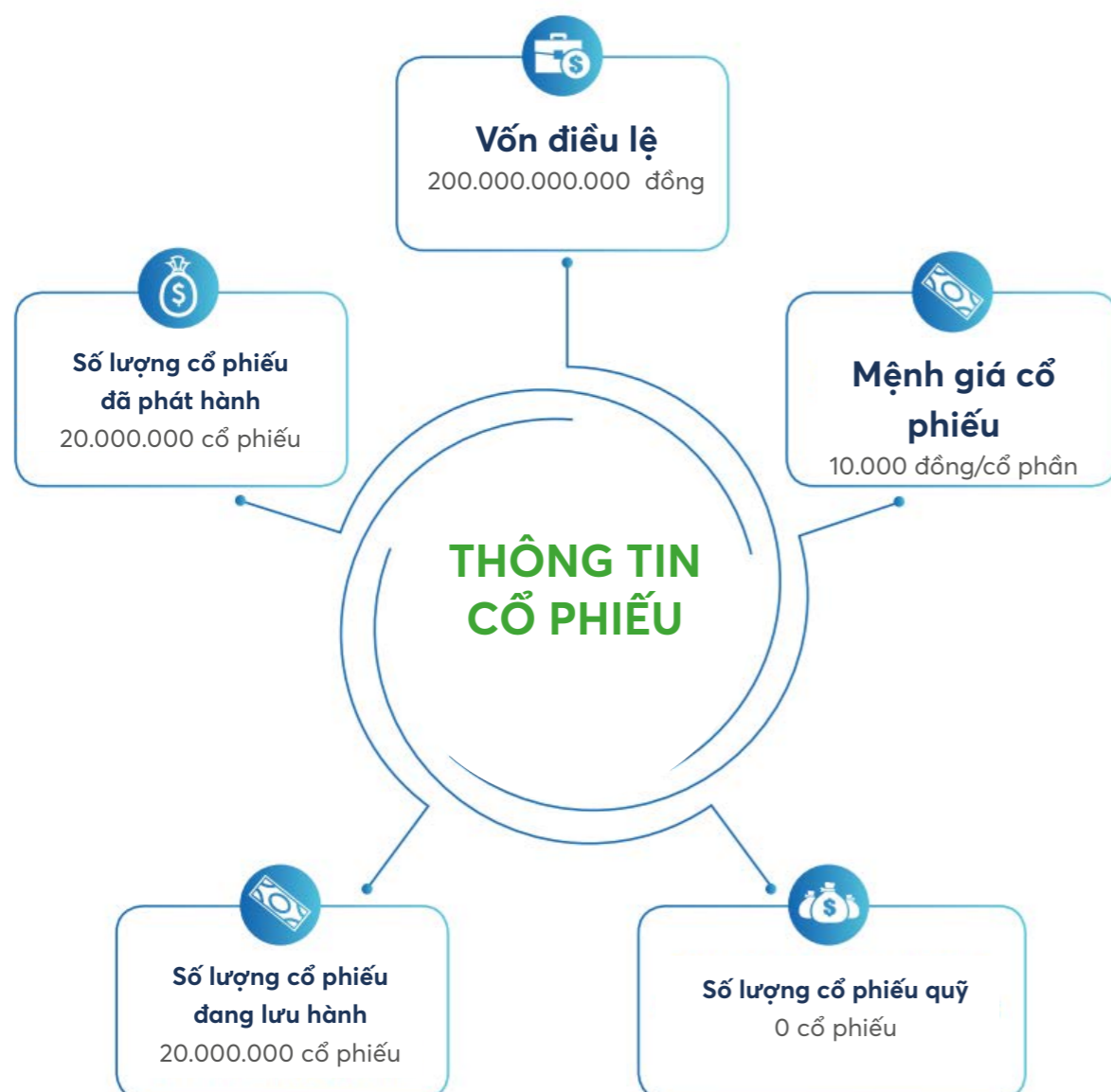


Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng trong năm qua vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng tích cực. Trong năm, Công ty đã đẩy mạnh việc đầu tư mở rộng quy mô các trạm bê tông để mở rộng thị phần kinh doanh trên toàn tỉnh Lâm Đồng, do đó doanh thu thuần hợp nhất của LBM tăng 41,31%. Các chỉ số ROS, ROE, ROA, lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần đều tăng và lần lượt đạt 10,91%, 25,09%, 19,32% và 12,52%.

Nhìn chung, thông qua các chỉ tiêu này cho thấy LBM vẫn đang hoạt động tương đối hiệu quả.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Căn cứ văn bản số 1229/UBCK - PTTT ngày 14/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của LBM là 50%.

Cơ cấu cổ đông

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 16/11/2022

STT	Đối tượng	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông lớn	14.583.412	72,92%
	Cổ đông nhỏ	5.416.588	27,08%
Đối tượng sở hữu			
2	Cổ đông tổ chức	15.169.554	75,85%
	Cổ đông cá nhân	4.830.446	24,15%
Phạm vi sở hữu			
3	Trong nước	17.341.478	86,71%
	Nước ngoài	2.658.522	13,29%
Tổng cộng		20.000.000	100%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại thời điểm 16/11/2022

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	12.980.172	64,90%
3	AFC VF LIMITED	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd., 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	1.603.240	8,02%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

+10.000.000

cổ phiếu

Chỉ tiêu	
Mệnh giá (ĐVT: đồng/cổ phiếu)	10.000
Số lượng chứng khoán phát hành (cổ phiếu)	10.000.000
Số cổ đông được phân phối (cổ đông)	786
Tổng số lượng chứng khoán sau khi phát hành (cổ phiếu)	20.000.000
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết (đồng)	200.000.000.000
Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực (*)	05/09/2022

(*)Theo quyết định số 588/QĐ-SGDHCM ngày 30/08/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng giảm (đồng)	Hình thức tăng giảm vốn
1	01/2006	10.000.000.000	16.391.600.000	Phát hành cho cán bộ công nhân viên và cổ đông hiện hữu 1.635.560 cổ phần.
2	12/10/2007	16.391.600.000	41.355.600.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 1.635.560 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên 81.958 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho các đối tác chiến lược 778.882 cổ phần.
3	01/07/2009	41.355.600.000	85.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 2.759.833 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên 87.625 cổ phần. Chào bán cổ phiếu cho các đối tác chiến lược 1.516.982 cổ phần.
4	04/04/2019	85.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 1.500.000 cổ phần.
5	28/07/2022	100.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 10.000.000 cổ phần

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Năm 2022 vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh việc tập trung vào hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn luôn ý thức được tầm quan trọng về mục tiêu phát triển bền vững. Việc hoạt động sản xuất kinh doanh đi kèm với bảo vệ môi trường và xã hội.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để đảm bảo quá trình khai thác tài nguyên được thực hiện đúng quy định và bảo vệ môi trường, Công ty đào tạo nhân viên về việc sử dụng các công nghệ khai thác tài nguyên mới nhất, nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng đến việc phân cấp các loại nguyên liệu, từ việc sử dụng các nguyên liệu phụ tạo thành sản phẩm phụ cho đến tái chế các sản phẩm phế thải để tận dụng triệt để tài nguyên. Điều này giúp Công ty không chỉ giảm thiểu tối đa thất thoát tài nguyên mà còn giảm thiểu lượng chất thải xả ra môi trường.

Ngoài ra, Công ty đã thiết lập quy trình kiểm soát chặt chẽ và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan chức năng để đảm bảo quá trình khai thác được thực hiện đúng quy định của pháp luật. LBM cũng thường xuyên tiến hành các cuộc kiểm tra và đánh giá chất lượng, hiệu quả khai thác để nâng cao chất lượng sản phẩm và quản lý tài nguyên hiệu quả hơn, duy trì và phát triển bền vững để tạo ra giá trị cho cộng đồng và xã hội.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty luôn ý thức rõ ràng trong việc giảm thiểu sự tiêu tốn năng lượng trong suốt quá trình khai thác, sản xuất và kinh doanh. Để sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả, tránh tình trạng lãng phí, Công ty luôn xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng phù hợp với điều kiện và tình hình của từng giai đoạn sản xuất. Nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty là điện và than. Ở khu vực văn phòng công sở, LBM sử dụng hệ thống đèn LED để chiếu sáng giúp vừa tiết kiệm năng lượng, vừa đảm bảo được mức độ ánh sáng thích hợp cho đội ngũ nhân viên văn phòng làm việc. Tại các nhà máy sản xuất, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty được đào tạo bài bản về nghiệp vụ sử dụng, quản lý hệ thống dây chuyền sản xuất, cải tiến quy trình để có thể tối đa năng suất, tiết kiệm thời gian và năng lượng điện tiêu thụ mỗi năm. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống máy móc sản xuất để đảm bảo hiệu suất hoạt động luôn được tối ưu hóa nhằm tránh việc tiêu hao năng lượng quá mức trong quá trình sản xuất.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Trường Pace



TIÊU THỤ NƯỚC

Chung tay cùng với Chính phủ, các tổ chức và cá nhân nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng nước tiết kiệm. Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường, đồng thời tái sử dụng được một lượng lớn m³ nước trong năm.

Công ty sử dụng nguồn nước mặt và nước ngầm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đều được nhà nước cấp phép.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn chú trọng và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài việc đạt được hiệu suất sản xuất, Công ty còn tập trung vào việc nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lý để giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Hơn nữa, Công ty còn khuyến khích lao động và nhân viên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và tái sử dụng chúng trong quá trình kinh doanh. Tất cả những việc làm này cho thấy cam kết của Công ty trong việc xây dựng một môi trường sống tốt đẹp và bền vững trong tương lai.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Về chính sách lương: Công ty chi trả lương cơ bản khoán sản phẩm, khoán doanh số, khoán việc cho lao động dựa trên cạnh tranh thu hút lao động trong khu vực.

Số lượng lao động của Công ty mẹ: 602 người.

Mức lương trung bình Công ty mẹ: 15.600.000 đồng/ tháng /người.

Chính sách đào tạo:

Đào tạo và phát triển là một trong những công tác được ưu tiên hàng đầu của Công ty. Với mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc. Công ty đã đưa ra những chính sách đào tạo phù hợp với từng bộ phận, nhân viên ở những thời điểm cụ thể.

Trong năm, LBM thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức đào tạo an toàn môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Bên cạnh đó, nhân viên khối Văn phòng cũng được tham gia các lớp tập huấn, các khóa học online để nâng cao hiệu quả công việc.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

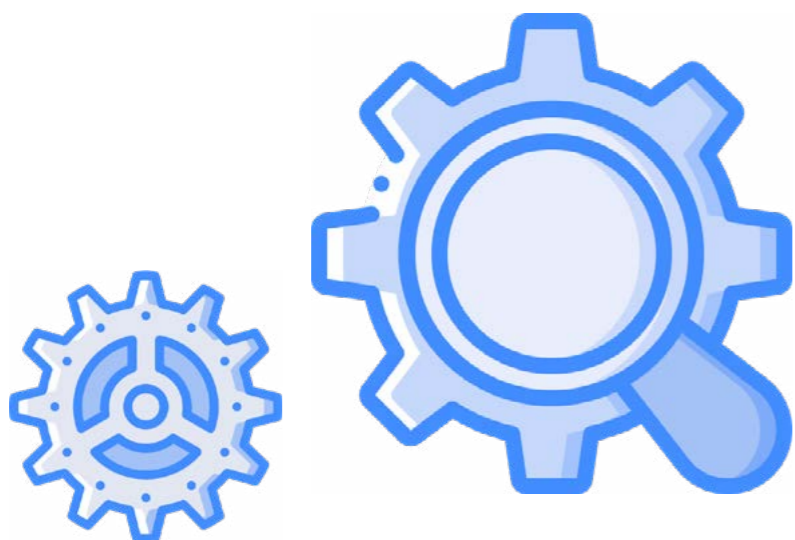
Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:



Công ty nhìn nhận nguồn nhân lực là một yếu tố quyết định thành công của một doanh nghiệp, vì vậy, Công ty coi trọng công tác đào tạo, áp dụng cơ chế lương theo sản phẩm, khen thưởng sáng kiến và chuyên cần, trợ cấp với trường hợp hoàn cảnh khó khăn, trang bị BHLĐ đầy đủ. Từ đó, tạo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn, nhằm tạo điều kiện để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.



Công ty xây dựng Chính sách tiền lương tăng thêm cho người lao động dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện và thu hút người lao động thiểu số nơi Công ty có cơ sở đóng tại địa bàn đó. Chính sách phúc lợi được xây dựng đầy đủ, chi tiết và Ban điều hành Công ty luôn có những chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm đưa ra chính sách tốt nhất; qua đó góp phần tạo động lực, khích lệ nhân viên nỗ lực nhiều hơn cho sự phát triển chung của Công ty. Một số chính sách phúc lợi tiêu biểu của Công ty trong năm vừa qua đã thực hiện như tổ chức nghỉ dưỡng cho người lao động toàn Công ty.



BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Từ ngày thành lập, với chủ trương xác định chiến lược phát triển lâu dài tại địa phương và sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ là cơ bản, Công ty đã định hướng tuyển dụng và đào tạo đội ngũ công nhân trên địa bàn xã, huyện đặt Nhà máy để cán bộ, công nhân viên vừa làm việc vừa yên tâm đối với gia đình. Công ty luôn chú trọng đào tạo người lao động từ lúc tuyển dụng vào làm việc về tuân thủ nội quy, quy định về an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm điện, nước; Cùng với chính quyền tại địa phương, hàng năm LBM tặng quà, hỗ trợ vật chất thiết yếu cho người nghèo tại một số khu vực trên địa bàn hoạt động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN:

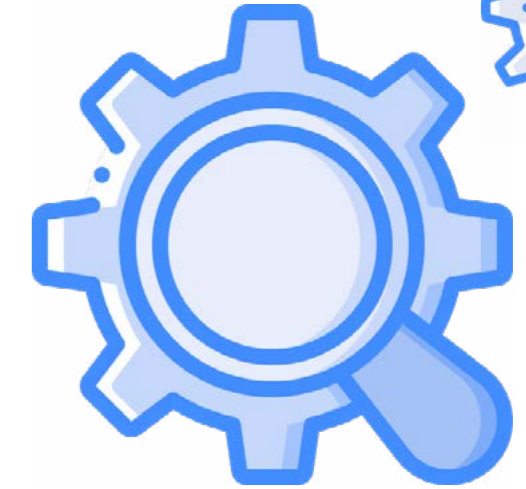
Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. LBM luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 74 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 78 Những tiến bộ Công ty đã đạt được
- 80 Tình hình tài chính
- 82 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 83 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 83 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 84 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

Công ty đã vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế sau đại dịch, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả khá tốt, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Hội đồng quản trị đã luôn quan tâm, chỉ đạo kịp thời và có chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- LBM là một đơn vị kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất Vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản trên khu vực tỉnh Lâm Đồng
- LBM có đội ngũ CBCNV năng động, sáng tạo, nội bộ đoàn kết. Tập thể CBCNV của LBM là sự kết hợp hài hòa giữa đội ngũ CBCNV trẻ, năng động, sáng tạo và một thế hệ các cán bộ có nhiều kinh nghiệm, tất cả đều trên dưới một lòng, nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất, tạo ra sức mạnh to lớn góp phần quan trọng vào sự thành công của Công ty.
- Sau đại dịch Covid 19, thị trường mặt hàng bê tông tăng so với cùng kỳ do một số công trình lớn đang thực hiện trong năm 2022 giúp cho lượng tiêu thụ bê tông, gạch, đá của LBM tăng mạnh so với năm trước.
- LBM đầu tư máy móc thiết bị kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong mảng vật liệu xây dựng và nắm bắt các cơ hội từ thị trường.
- Những năm gần đây, trên địa bàn thành phố Đà Lạt và các vùng lân cận, xuất hiện nhiều nhà đầu tư, đầu tư vào các lĩnh vực du lịch, giải trí, nghỉ dưỡng, xây dựng cơ sở hạ tầng... từ đó phát sinh nhu cầu lớn về nguồn vật liệu xây dựng.
- LBM chủ động được nguyên liệu đầu vào, đảm bảo cho kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty.
- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo UBND, các sở ban ngành tỉnh Lâm Đồng.

“ Với những thành tựu này, Công ty sẽ tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại và nâng cao năng lực quản lý để đạt được những kết quả tốt hơn trong tương lai. ”

Khó khăn

- Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành khoáng sản và vật liệu xây dựng, đặc biệt là từ các công ty có nguồn lực mạnh. Sự cạnh tranh đã làm cho các loại chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý LBM tăng nhanh.
- Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng, vị trí và trữ lượng các mỏ là đặc biệt quan trọng. Dù Công ty luôn tìm kiếm các mỏ mới nhưng vấn đề về thủ tục xin giấy phép cũng như tìm kiếm các mỏ phù hợp với Công ty luôn là một khó khăn mà lãnh đạo LBM luôn phải đối mặt.
- Tình hình kinh tế toàn cầu luôn có sự biến động đã ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Giá cả nguyên vật liệu làm tăng các khoản chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động và lợi nhuận của LBM.
- Chủ trương của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giảm thời gian khai thác mỏ đá trên địa bàn TP. Đà Lạt của Công ty nhằm giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác đá, bảo vệ môi trường, cảnh quan thành phố, ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào của LBM và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2021	Năm 2022		% TH 2022/ KH 2022	% TH 2022/ TH 2021
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Doanh thu thuần	787,83	800,00	1.113,27	139,16%	141,31%
2	Lợi nhuận trước thuế	100,62	85,00	151,63	178,39%	150,69%
3	Lợi nhuận sau thuế	82,16	-	121,44	-	147,82%

Trong năm 2022, mặc dù nền kinh tế thế giới cũng như trong nước phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid, tuy nhiên, trong bối cảnh lạm phát như hiện nay ảnh hưởng không nhỏ tới Công ty. Với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, cùng nhau khắc phục khó khăn, phát huy những thuận lợi, Công ty đã linh hoạt trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, có nhiều giải pháp sáng tạo, quyết liệt trong quản lý điều hành nên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm tài chính 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty.

Công tác kinh doanh:

- Doanh thu thuần hợp nhất trong năm tài chính 2022 đạt 1.113.644.830.944 đồng tăng 41,31% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 139,21% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm tài chính 2022 là 151.442.228.619 đồng, tăng 50,69% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 178,39% so với kế hoạch.

Công tác đầu tư:

- Thành lập Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng nhằm nắm bắt các cơ hội từ thị trường, đón đầu những cơ hội mới từ dự án cao tốc Dầu Giây - Liên Khương cùng các dự án phát triển đô thị khác trong thời gian sắp tới.
- Đầu tư các máy móc thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc đầu tư của LBM để phục vụ cho những dự án lớn trong giai đoạn 2021 - 2025 đang và sắp được triển khai. Đồng thời, với mục tiêu mở rộng thị trường, nâng cao giá trị thương hiệu, giá trị doanh nghiệp đã tạo cho Công ty một nền tảng tốt và một hồ sơ năng lực tốt trong việc đáp ứng các nhu cầu của các dự án lớn cũng như đón đầu nhu cầu sản phẩm của thị trường.

Công tác chính sách, phát triển nguồn nhân sự

Tuyển dụng nhân sự phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá khối lượng công việc đến từng CBNV, nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

Triển khai đào tạo nhân sự kế thừa, cán bộ tiềm năng cho các vị trí quản lý, vị trí then chốt. Song song với các chương trình đào tạo nghiệp vụ chuyên môn theo kế hoạch đào tạo đã được duyệt.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

Xây dựng và công bố các sản phẩm theo tiêu chuẩn hợp chuẩn hợp quy.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Giải thể Xí nghiệp Vận tải và thành lập Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý phương tiện vận tải và đảm bảo nguồn nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất trong toàn hệ thống;

Tổ chức và sắp xếp lại công tác quản lý tại Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển thị trường; Trong đó, chia 2 khu vực: Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 1 quản lý từ khu vực Đà Lạt xuống Đức Trọng, Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 2 quản lý từ khu vực Di Linh xuống Tân Phú – Đồng Nai;

Thành lập Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại khu vực Đồng Nai.



CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong năm 2022, LBM vận dụng nhiều phần mềm tiện ích trong công tác quản trị máy móc, phương tiện vận chuyển góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ

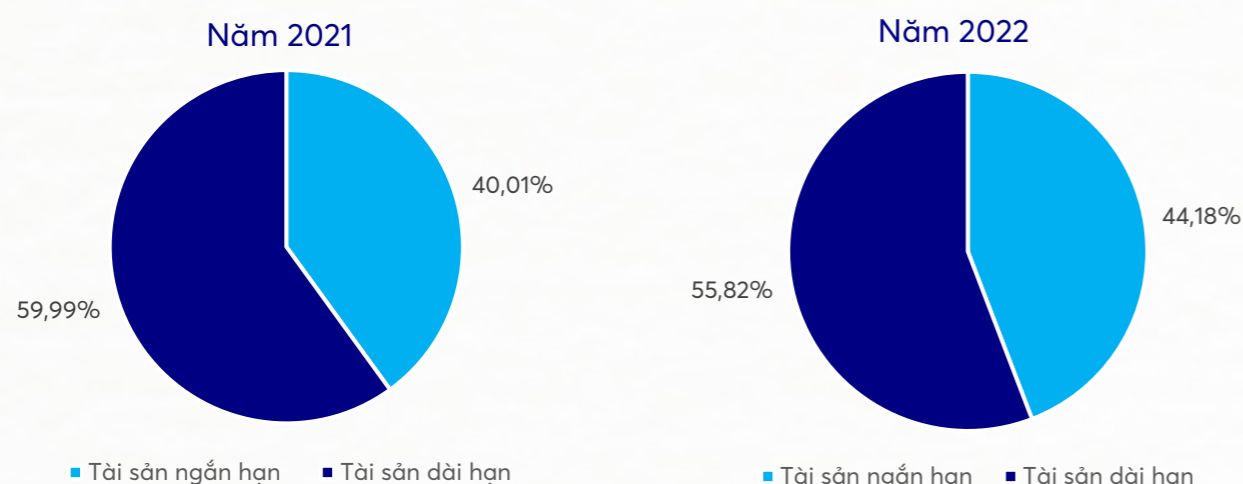
Kịp thời đầu tư các hạng mục thiết bị phục vụ sản xuất – kinh doanh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Khoản mục - Hợp nhất	31/12/2021		31/12/2022		% 2022/2021
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	217,67	40,01%	314,97	44,18%	144,71%
2	Tài sản dài hạn	326,41	59,99%	398,03	55,82%	121,94%
	Tổng tài sản	544,08	100,00%	713,01	100,00%	131,05%



Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty đạt 713,01 tỷ đồng, tăng 31,05% so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn trên 55% tổng tài sản. Cả hai chỉ số tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều tăng mạnh. Cụ thể, tài sản ngắn hạn tăng từ 217,67 tỷ đồng tăng đến 314,97 tỷ đồng, tương đương với tăng 44,71%, chủ yếu đến từ việc lượng hàng tồn kho tăng mạnh 88,74% (tăng 60,38 tỷ đồng so với mức 68 tỷ đồng năm 2021, chiếm tỷ trọng ~41% trong tài sản ngắn hạn), tồn kho tăng từ việc Công ty tích trữ nguyên vật liệu trong bối cảnh giá nguyên vật liệu xu hướng tăng như hiện nay. Ngoài ra, việc tăng hàng tồn kho nguyên vật liệu tại 31/12/2022 để phục vụ cho các công trình dự án xây dựng trong năm 2023.

Tài sản dài hạn của LBM tăng từ 326,41 tỷ đồng tại 31/12/2021 lên 398,03 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tăng khoản mục Tài sản cố định hữu hình tăng 69,81 tỷ đồng, đạt 347,94 tỷ đồng năm 2022, do trong năm, Công ty đã đầu tư thêm cơ sở vật chất, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục - Hợp nhất	31/12/2021		31/12/2022		% 2022/2021
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	108,51	99,10%	178,52	99,45%	164,52%
2	Nợ dài hạn	0,99	0,90%	0,99	0,55%	100,00%
	Tổng nợ phải trả	109,50	100,00%	179,50	100,00%	163,94%



Tại thời điểm cuối năm 2022, tổng nợ phải trả của LBM tăng mạnh 63,94%, trong đó nợ ngắn hạn chiếm trên 99%, tăng 64,52% so với cùng kỳ và nợ dài hạn không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2021.

Nợ ngắn hạn của Công ty tăng 70 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2022 là do: (1) khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động tăng trong năm, dẫn đến khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 24 tỷ đồng; (2) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 23,60 tỷ đồng, từ 18,79 tỷ đồng lên 42,39 tỷ đồng năm 2022, chủ yếu đến từ sự gia tăng của Thuế thu nhập doanh nghiệp nhờ vào hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nợ dài hạn của LBM là khoản dự phòng phải trả dài hạn không thay đổi so với 31/12/2021, vẫn giữ nguyên mức 0,99 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đầu tư máy móc thiết bị với giá trị lớn, tuy nhiên, LBM không sử dụng nợ vay để gia tăng giá trị đầu tư cho thấy khả năng tài chính lành mạnh của Công ty, thể hiện sự vững mạnh và sự tăng trưởng bền vững trong đầu tư của LBM.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- » Trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã không ngừng học hỏi và cải thiện để phát triển bền vững. Một trong những thành tựu đáng kể đó là việc xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên chất lượng, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn và thực tế để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự.
- » Đồng thời, Công ty tập trung phát triển thương hiệu ở các thị trường mới mở rộng bằng việc đổi mới và mua sắm nhiều máy móc thiết bị phương tiện, đầu tư tại nhiều điểm trong tỉnh Lâm Đồng cũng như ngoài tỉnh như khu vực Đắk Nông, Tân Phú - Đồng Nai.
- » Ngoài ra, Công ty cũng luôn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và xã hội, và tham gia tích cực vào các công tác xã hội khác tại địa phương.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu	Tỷ đồng	840	940
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	123	130
3	Cổ tức	%	20-25%	

Kế hoạch đầu tư

Năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất:

- Đầu tư trạm bê tông tại KCN Lộc Sơn, Bảo Lộc; trạm bê tông tại Tân Phú, Đồng Nai;
- Đầu tư đất vùng nguyên vật liệu;
- Đầu tư thiết bị, xe máy và các mục khác.

Tổng mức đầu tư: Khoảng 150 tỷ đồng.

Kế hoạch tài chính năm 2023

- Theo dõi, kiểm soát các chi phí sản xuất tại các đơn vị sản xuất theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành nhằm quản lý giá thành và kịp thời chấn chỉnh những chi phí bất hợp lý;
- Tăng cường phân tích và tham mưu để sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Công ty;
- Kiểm soát dòng tiền luân chuyển, tăng vòng quay vốn nhằm sử dụng có hiệu quả nhất nguồn vốn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh;
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ; thanh toán đến hạn, hạn chế nợ quá hạn và nợ xấu.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Những thập niên qua, tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu đã tác động mạnh mẽ, gây ra nhiều ảnh hưởng, thiệt hại đến sự phát triển kinh tế, xã hội. LBM luôn ý thức được rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ từng cá nhân, từng gia đình, từng doanh nghiệp và rộng hơn là phục vụ cho sự phát triển bền vững của xã hội. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về việc bảo vệ môi trường, quan tâm công tác giám sát bảo vệ môi trường tại các nhà máy, công trình dự án mà LBM thực hiện. Bên cạnh đó, các định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty là đến năm 2026 giảm ít nhất 5% trên tổng năng lượng hóa thạch sử dụng, giảm lượng nguyên-nhiên liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. LBM đã và đang tạo việc làm ổn định cho người lao động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho họ, chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động, xây dựng mối quan hệ bền vững hài hòa trong Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng chính sách chăm lo cho người lao động thỏa đáng để giữ chân người lao động giỏi, cung cấp thông tin về quyền lợi cá nhân, người lao động, thông tin về an toàn, sức khỏe trong quá trình làm việc. Công ty cũng đào tạo cho người lao động về đảm bảo an toàn, sức khỏe trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất, gia tăng thị phần, LBM còn chú trọng đến các hoạt động an sinh xã hội. Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị địa phương tổ chức các hoạt động thiện nguyện, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giá trị đóng góp để phát triển cộng đồng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

88 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

92 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

95 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về việc thực hiện tăng vốn điều lệ

Hoàn tất việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1:1, sửa đổi điều lệ và các thủ tục pháp lý liên quan. Nâng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng với 20 triệu cổ phiếu đang lưu hành.

Về tỷ lệ Sở hữu nước ngoài

Hoàn tất việc điều chỉnh ngành nghề và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty từ mức 49% lên mức không quá 50% vốn điều lệ Công ty.

Về việc mở rộng thị trường

Thành lập Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại khu vực Đồng Nai.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu thuần hợp nhất trong năm tài chính 2022 đạt 1.113.644.830.944 đồng tăng 41,31% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 139,21% so với kế hoạch.

Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm tài chính 2022 là 151.442.228.619 đồng, tăng 50,69% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 178,39% so với kế hoạch.

Về chi trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ) đã phê duyệt mức cổ tức năm 2022 là 12-15%. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án, hình thức chi trả và lựa chọn thời gian chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022 phù hợp với hoạt động của Công ty.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 là 6% bằng tiền mặt (600 đồng/cổ phần).

- Ngày đăng ký cuối cùng : 16/11/2022

- Ngày chi trả cổ tức: 30/11/2022

Về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Hội đồng quản trị quyết định thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2022 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 .

Về trách nhiệm môi trường và xã hội

Song song với việc mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Lãnh đạo Công ty cũng định hướng phát triển gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững và xây dựng một xã hội hài hòa. Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, những năm qua, Công ty luôn chú trọng vào công tác bảo vệ môi trường thông qua việc khai thác hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu. Ban Lãnh đạo luôn yêu cầu điều chỉnh, cải tiến các quy trình sản xuất, quy trình hoạt động kinh doanh, với nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng. LBM luôn tuân thủ các quy định, chuẩn mực, hướng dẫn của cơ quan nhà nước liên đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo cân bằng, hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh và bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội với phát triển xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công tác tổ chức – Quản lý

Bộ máy tổ chức Công ty như sau:

- Ban Tổng Giám đốc gồm 06 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc. Các Phó TGD được Tổng Giám đốc phân công phụ trách về các mảng tài chính, kinh doanh, kỹ thuật sản xuất, đầu tư thiết bị, nguyên nhiên vật liệu đầu vào và công nợ. Ngoài ra, các Phó TGD kiêm nhiệm trưởng các phòng nghiệp vụ, giám đốc các đơn vị sản xuất và Công ty con.
- 07 phòng và bộ phận nghiệp vụ, gồm Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kỹ thuật – Sản xuất, Phòng Kinh doanh, Phòng Pháp chế, Bộ phận kiểm soát nội bộ và Bộ phận Bán hàng - Thu hồi công nợ, Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Bộ phận Giá và Phí.
- 06 Xí nghiệp trực thuộc và 04 Công ty con, gồm: Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 1, Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực 2, Xí nghiệp Hiệp An, Xí nghiệp Gạch ngói Tuynen Thạnh Mỹ, Xí nghiệp Hiệp Tiến, Xí nghiệp Cung ứng nguyên vật liệu, Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát, Công ty TNHH MTV bê tông LBM Đắc Nông, Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú, Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.

Đánh giá hiệu quả một số hạng mục sau đầu tư

- Đầu tư hệ nghiền mở N'Thôn Hạ: Việc đầu tư đã mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Thiết bị nghiền đá đã cho ra sản phẩm đá ve Dmax 20 mm và cát nghiền có Dmax =6mm;
- Trong năm vừa qua thiết bị hoạt động ổn định và hiệu quả cao. Khối lượng đá blocka nghiền đạt theo công suất thiết kế và công suất cấp phép của mỏ 59.000 m³ rời/ năm. Sản phẩm đá ve và cát nghiền khi đem vào sản xuất bê tông mang lại hiệu quả (giảm khoảng 15kg xi măng/1 m³ bê tông).
- Tại mỏ đá Tây Đại Lào: Việc đầu tư đồng bộ đã giải quyết được yêu cầu về sản xuất bao gồm thiết bị (giàn khoan; thiết bị xúc, vận chuyển; thiết bị nghiền; cơ sở hạ tầng...) đảm bảo việc sản xuất thông suốt. Năng suất và chất lượng sản phẩm cao đáp ứng được yêu cầu về nguyên liệu đá cho toàn hệ thống cũng như đã sản xuất ra cát nghiền có Dmax 6mm để sản xuất bê tông giảm tỷ lệ cát tự nhiên (có giá thành cao) đồng thời giảm lượng xi măng trong sản xuất bê tông.
- Ngoài sản xuất ra sản phẩm đá Dmax 20 mm và cát nghiền còn sản xuất ra sản phẩm đá Dmax 37.5mm (thường gọi đá 0x4) đạt TCVN 8859:2011; bao gồm 02 loại đá Dmax 37,5 loại 1 và loại 2 đã được cấp quyết định chứng nhận hợp chuẩn số 41936/QĐ-VC ngày 29/12/2022 và đồng thời công ty cũng đã xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở: số 03/2023/LBM-CNXD ngày 13/02/2023. Các sản phẩm này đã công bố chất lượng và giá bán đến cơ quan ban ngành Sở xây dựng và Sở tài chính.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành thực hiện, kiểm tra giám sát việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, bám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Do đó, việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị duy trì thường xuyên, đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Định kỳ hàng tháng/quý Hội đồng quản trị yêu cầu Ban điều hành báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị giao, những khó khăn, thuận lợi trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo định kỳ và nắm bắt tình hình thực tế, Hội đồng quản trị tổ chức họp xem xét, đánh giá và yêu cầu triển khai các nội dung công việc mới.

Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý của LBM đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, chủ động các phương án thực hiện góp phần giúp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như:

- Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành và thông qua các báo cáo để thực hiện việc giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra.
- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết.
- Tổng giám đốc thực hiện báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý và bất thường của Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi và làm việc trực tiếp với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các dự án kinh doanh và quản trị Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên thường xuyên kiểm tra hoạt động tại các đơn vị sản xuất và theo dõi hoạt động của đối thủ trong cùng ngành nghề thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, và thị sát thực tế.

Từ đó, Hội đồng quản trị đã luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, các quyết định, hoạt động của Ban Điều hành và có sự phối hợp tốt với Ban Điều hành để đưa ra các quyết định kịp thời, đúng đắn để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, có các giải pháp hợp lý trong công tác chỉ đạo điều hành. Đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Với những kết quả đã đạt được trong những năm qua, Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xem tại Phần 3- Mục Kế hoạch phát triển trong tương lai

DOANH THU HỢP NHẤT
(Tỷ đồng)

940

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT
(Tỷ đồng)

130

DOANH THU
CÔNG TY MẸ
Tỷ đồng

840

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
CÔNG TY MẸ
Tỷ đồng

123

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

Để tiếp tục duy trì các kết quả đã đạt được trong năm 2022, Công ty xác định một số định hướng năm 2023 như sau:

- Chủ động đưa ra những phương án kinh doanh phù hợp với hoàn cảnh. Chủ động vượt qua khó khăn, sẵn sàng với những thách thức tiềm ẩn để tiếp tục mục tiêu cao hơn trong thời gian tới.
- Duy trì sự minh bạch trong sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Về nhân sự: Công ty tiếp tục tuyển dụng nhân sự để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm 2023. Tạo nguồn nhân sự đáp ứng được công việc trong tương lai. Tiếp tục bố trí nhân sự tham gia các khóa học nhằm đào tạo nâng cao năng lực công việc.
- Về đầu tư: Triển khai tiếp các hạng mục đầu tư tại Đắc Nông, Tân Phú – Đồng Nai và Di Linh – Lâm Đồng. Đối với dự án mở rộng trạm bê tông tại khu công nghiệp Lộc Sơn – Bảo Lộc, tiếp tục làm việc với khu công nghiệp để nhận đất và đầu tư.
- Về tình hình sản xuất: Đảm bảo hoạt động hiệu quả các máy móc thiết bị, tăng cường công tác bảo dưỡng, bảo trì. Kịp thời đầu tư các hạng mục thiết bị phục vụ sản xuất – kinh doanh.
- Về tiêu thụ: Tiếp tục tăng cường công tác bán hàng, triển khai các phương án để cạnh tranh phù hợp với thị trường.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

98 Hội đồng quản trị

114 Ban Kiểm soát

118 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	126.948	0,63%
2	Nguyễn An Thái	Phó chủ tịch HĐQT, TGD	76.400	0,38%
3	Hầu Văn Tuấn	TV. HĐQT	0	0,00%
4	Phạm Gia Sâm	TV. HĐQT độc lập	18.000	0,09%
5	Mai Nam Dương	TV. HĐQT	85.000	0,43%
6	Lê Văn Quý	TV. HĐQT	0	0,00%
7	Ngô Văn Minh	TV. HĐQT độc lập	0	0,00%

(*) Tính tại ngày 16/11/2022

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG LÊ ĐÌNH HIẾN
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964.

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

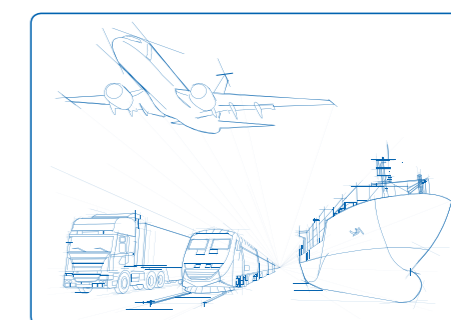
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022:
126.948 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ.



ÔNG NGUYỄN AN THÁI
Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Xem tại mục Lý lịch Ban điều hành.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

03

ÔNG HẦU VĂN TUẤN
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022:

0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

04

ÔNG PHẠM GIA SÂM
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Quản trị kinh doanh, ngành Sư phạm, khoa Vật lý.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 16/11/2022:

18.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ.

05

ÔNG MAI NAM DƯƠNG
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1953

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại ngày

16/11/2022: 85.000 cổ phần, chiếm 0,43% vốn điều lệ.

06

ÔNG LÊ VĂN QUÝ
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi; Thạc sĩ quản lý xây dựng.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày

16/11/2022: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

07

ÔNG NGÔ VĂN MINH
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1986

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật công trình - chuyên ngành cầu đường.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Giám Đốc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Intercons.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày

16/11/2022: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Đình Hiền	09	100%	-
2	Nguyễn An Thái	09	100%	-
3	Hầu Văn Tuấn	09	100%	-
4	Phạm Gia Sâm	09	100%	-
5	Mai Nam Dương	09	100%	-
6	Lê Văn Quý	08	89%	Uỷ quyền, do bận đi công tác
7	Ngô Văn Minh	08	89%	Uỷ quyền, do bận đi công tác



Với sự chuẩn bị và tích lũy về năng lực thiết bị, con người, nền tảng văn hóa Công ty trong những năm qua và cùng với sự chủ động trong công tác lãnh đạo, LBM đã vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế sau Đại dịch. Công ty đã tiếp tục tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận.

Đội ngũ lãnh đạo Công ty luôn chủ động các phương án sản xuất kinh doanh trong điều kiện liên tục thay đổi của giá cả thị trường và những biến động của kinh tế thế giới.

Từ những áp lực vượt qua khó khăn đã tiếp thêm niềm tin và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tới.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Năm 2022, HĐQT đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược nhân sự,... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- ✓ Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong năm 2022 như sau:

Phương pháp giám sát:

Tại các cuộc họp, HĐQT đều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình sản xuất kinh doanh của quý và lũy kế, thảo luận và thông qua các nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện theo từng kỳ sản xuất để đề ra giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được báo cáo, phân tích và giải quyết kịp thời. Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Kết quả giám sát:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đã vượt kế hoạch sau một năm đầy khó khăn do biến động giá nhiên liệu, phí vận chuyển thay đổi liên tục... đảm bảo công ăn việc làm và an toàn sức khỏe cho người lao động. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế của Công ty.

HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các thành viên HĐQT luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình, quyết định vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và người lao động.

=> Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo các quy định, quy chế và góp phần giúp Hội đồng quản trị Công ty thực thi đầy đủ nhiệm vụ của mình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH HĐQT

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp trực tiếp và 09 lần lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời định hướng, chỉ đạo, xem xét quyết định các nội dung công việc thuộc thẩm quyền xử lý của Hội đồng quản trị. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01a/2022/NQ-HĐQT/LBM	14/01/2022	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 và năm 2021. - Thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty gồm: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức. 2. Ông Trần Quang Thục. 3. Bà Huỳnh Thị Quế Hương. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức giữ chức vụ Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty.	100%
2	01b/2022/NQ-HĐQT/LBM	14/01/2022	- Đầu tư 01 xe quản lý mới 100%. Giá trị đầu tư: 2.690.000.000 đồng, giá sau thuế, chưa bao gồm phí đăng ký. - Thông qua việc chi tăng lương cho Ban Điều hành do hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế trong Công ty năm 2021 với tổng số tiền là 17,25 tỷ đồng. - Thông qua phương án 2 việc thù lao HĐQT và BKS được chi tăng thêm 10% của lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2021 của Đại Hội đồng cổ đông giao với tổng số tiền là 4,3 tỷ đồng.	100%
3	02a/2022/NQ-HĐQT/LBM	23/02/2022	- Thống nhất thành lập Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú - Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông năm 2022 và thanh toán cổ tức đợt hai (10%) năm 2021: + Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2021: 25/3/2022. + Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: 23/4/2022. + Ngày thanh toán cổ tức: 14/4/2022.	100%
4	02b/2022/NQ-HĐQT/LBM	23/02/2022	- Thông qua nội dung đầu tư tại Tân Phú - Đồng Nai. Dự kiến khoảng 25,6 tỷ đồng. - Thống nhất chủ trương đầu tư 01 trạm bê tông tại phía Bắc Bảo Lộc. Giá trị đầu tư: Dự kiến 13,36 tỷ đồng (chưa bao gồm mặt bằng dựng trạm) - Thống nhất tổ chức lại Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	03a/2022/NQ-HĐQT/LBM	28/03/2022	- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 để trình ĐHCĐ - Thống nhất nội dung các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
6	03b/2022/NQ-HĐQT/LBM	28/03/2022	Thống nhất thông qua phương án trả lương cho Ban Điều hành Công ty. * Đầu tư và thanh lý thiết bị: 1. Đầu tư hệ thống ép bùn xử lý nước thải bê tông, móng máy và bể chứa sau xử lý. 2. Đầu tư Máy đào bánh xích hiệu Komatsu, PC350-10 đã qua sử dụng, dung tích gầu 1.4m ³ . Năm sản xuất: 10/2014. 3. 02 Xe bồn trộn bê tông Zoomlion10JBH. Hiệu xe: Howo, Động cơ 340 Hp. 4. 02 Xe đầu kéo Hyundai HD1000 5. 01 Sơ mi Rơ moóc xitéc Doosung chở xi măng rời 30,4m ³ loại 3 rốn xă 6. 02 Sơ mi Mooc ben Doosung tự đổ 3 trục thường 23,3m ³ . - Thanh lý thiết bị cũ: Máy đào Hitachi 350-5. Tổng cộng giá trị đầu tư: 11.866.000.000 đồng.	100%
7	04/2022/NQ-HĐQT/LBM	06/04/2022	Đầu tư đất để dựng trạm bê tông 120m ³ /h tại khu vực phía Bắc Bảo Lộc. Giá chào chuyển nhượng: 30 tỷ đồng.	100%
8	05a/2022/NQ-HĐQT/LBM	15/04/2022	- Thông qua việc Công ty vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	05b/2022/NQ-HĐQT/LBM	15/04/2022	<p>Thống nhất đầu tư thiết bị cơ giới phục vụ sản xuất và thanh lý tài sản, chi tiết như sau:</p> <p>1. Đầu tư thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 Xe bồn trộn bê tông Zoomlion10JBH. Hiệu xe: Howo. - 05 Xe tải ben Howo 380HP. - 01 Xe bơm bê tông Zoomlion. - 01 Xe bơm bê tông tự hành Sany - 03 Xe đầu kéo Hyundai HD1000 - 03 Sơ mi Rơ moóc xitéc Doosung. - 01 xe ô tô tải chở mẫu. hiệu Hyundai new porter H150 <p>Tổng cộng: 30.830.000.000 đồng.</p> <p>2. Thanh lý các thiết bị cũ hoạt động không hiệu quả, bao gồm:</p> <p>2.1. Xe bơm tự hành Howo, bơm hiệu XCMG</p> <p>2.2 Xe bơm tự hành Howo, bơm hiệu XCMG</p> <p>3. Thống nhất chủ trương đầu tư lô đất tại mỏ Tam Bó - Di Linh</p> <p>Diện tích: 32.059m² x 200.000đ/m².</p> <p>4. Thống nhất việc cho Ban Điều hành thuê tư vấn pháp lý các tài sản đất HĐQT Công ty đã phê duyệt cho đầu tư.</p>	100%
10	06/2022/NQ-HĐQT/LBM	21/04/2022	Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1/2022.	100%
11	07/2022/NQ-HĐQT/LBM	04/05/2022	<p>Thống nhất đầu tư các thiết bị sau:</p> <p>1. 04 Xe tải ben Howo 380HP.</p> <p>2. 02 Xe xúc lật bánh lốp, hiệu Lonking LG863</p> <p>Tổng giá trị đầu tư: 9.680.000.000 đồng.</p>	100%
12	08/2022/NQ-HĐQT/LBM	16/05/2022	<p>Thống nhất đầu tư các thiết bị sau:</p> <p>1. 05 Xe bồn trộn bê tông Zoomlion10JBH Hiệu xe: Howo,</p> <p>2. 01 Máy đào bánh xích hiệu Komatsu. PC500LC-10R</p> <p>3. 01 hàm nghiền 250 tấn/giờ 1006x750 Otsuka Nhật</p> <p>Tổng giá trị đầu tư: 14.687.500.000 đồng.</p>	100%
13	09/2022/NQ-HĐQT/LBM	06/06/2022	Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	10a/2022/NQ-HĐQT/LBM	21/06/2022	<p>1. Thống nhất tách bộ phận cung ứng nguyên vật liệu từ Xí nghiệp Vận tải và thành lập Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu từ ngày 21/6/2022.</p> <p>2. Thống nhất bổ nhiệm các nhân sự quản lý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Lê Thanh Hoà, Bổ nhiệm: Phó Tổng giám đốc, Phụ trách mảng Kinh doanh. - Ông Hoàng Hữu Hạnh, Bổ nhiệm: Giám đốc Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu. <p>Thời hạn bổ nhiệm: 02 năm kể từ ngày HĐQT thông qua.</p> <p>3. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho LBM, Công ty TNHH Bê tông LBM Đắc Nông và kiểm toán hợp nhất.</p> <p>Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc tiến hành thương thảo, ký kết đồng với đơn vị kiểm toán nêu trên.</p>	100%
15	10b/2022/NQ-HĐQT/LBM	21/06/2022	<p>1. Phê duyệt việc vay vốn của Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng tại các tổ chức Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh</p> <p>2. Thông qua việc cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty. Danh mục tài sản cụ thể giao TGD quyết định.</p> <p>3. Chỉ định người đại diện Công ty thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với ngân hàng.</p> <p>3.1. Giao cho ông Nguyễn An Thái - Tổng giám đốc điều hành, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở thư tín dụng; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/ Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan...</p> <p>3.2. Ông Nguyễn An Thái được quyền ủy quyền lại cho người khác đại diện Công ty thực hiện các công việc nêu trên. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản riêng.</p>	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	10b/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	21/06/2022	3.3. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Nguyễn An Thái hoặc người được ông Nguyễn An Thái ủy quyền đại diện Công ty ký kết với ngân hàng phù hợp với các nội dung nêu tại Nghị quyết này.	100%
16	10c/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	21/06/2022	1. Thống nhất thông qua báo cáo sơ bộ kết quả hoạt động SXKD 5 tháng đầu năm 2022. 2. Thống nhất đầu tư như sau: 2.1. Di dời trạm 120m ³ /h tại Tây Đại Lào và lắp đặt thêm tại Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành. 2.2. Đầu tư mới trạm trộn bê tông 120m ³ /giờ tại Tân Phú – Đồng Nai. 2.3. Đầu tư nhà xưởng bảo trì sửa chữa thiết bị tại Tây Đại Lào.	100%
17	11/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	21/04/2022	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông với nội dung sau: 1. Ngày đăng ký cuối cùng: 25/07/2022 2. Tỷ lệ thực hiện quyền: 01:01. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 103 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 1: 1, cổ đông A được nhận (103 /1*1)=103 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 103 cổ phiếu mới. 3. Nguồn vốn phát hành: - Thặng dư vốn cổ phần: 60.570.786.237 đồng - Quỹ đầu tư phát triển: 39.429.213.763 đồng Căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán. 4. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Do tỷ lệ thực hiện quyền là 01:01 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ (phần thập phân).	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	12a/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	04/05/2022	1. Thống nhất 100% thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng năm 2022. 2. Thống nhất giải thể, chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng - Xí nghiệp vận tải. Giao TGD Công ty triển khai thực hiện các thủ tục giải thể Xí nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty.	100%
19	12b/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	21/06/2022	1. Thống nhất đầu tư 01 máy phát điện 400kVA tại Tây Đại Lào như sau: Máy phát điện hiệu Mitsubishi 400kVA đã qua sử dụng (còn 90% - sản xuất năm 2014). Động cơ Mitsubishi S6A-PTA. Đầu phát: Taiyo. Hiệu máy: Nhật Bản. Điện áp: 220/380VAC. Tiêu hao nhiên liệu: 25 - 40L. Giá: 615.600.000 đồng (Đã bao gồm thuế VAT), giao hàng tại Lâm Đồng. Thời gian bảo hành: 12 tháng hoặc 1000h. 2. Thống nhất cho triển khai khảo sát thăm dò các nguồn nguyên liệu sau: - Khu vực đất nông nghiệp tại Ka Đơn, Đơn Dương Diện tích khảo sát: 4,5/10ha. Trữ lượng: Khoảng 500.000m ³ đặc. - Mỏ đá bazan tại thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp, Đắk Nông. 3. Thống nhất cho Ban Điều hành tìm thêm các văn phòng luật sư để tư vấn phương án tốt nhất liên quan đến tài sản đất của Công ty. HĐQT sẽ thảo luận tiếp nội dung này trong thời gian tới. 4. Thống nhất cho triển khai lắp đặt hệ thống chống sét tại mỏ đá Tây Đại Lào để đưa về vùng an toàn trong sản xuất cho người lao động và thiết bị của Công ty. 5. Hội đồng quản trị thống nhất vay hoàn vốn trung hạn 95 tỷ đồng.	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	13/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	21/06/2022	Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 6 của Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên sau khi phát hành 10.000.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau: "1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần".	100%
21	14/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	21/06/2022	1. Thống nhất thông qua báo cáo sơ bộ kết quả hoạt động SXKD 5 tháng đầu năm 2022. 2. Thống nhất đầu tư như sau: 2.1. Di dời trạm 120m ³ /h tại Tây Đại Lào và lắp đặt thêm tại Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành. 2.2. Đầu tư mới trạm trộn bê tông 120m ³ /giờ tại Tân Phú – Đồng Nai. 2.3. Đầu tư nhà xưởng bảo trì sửa chữa thiết bị tại Tây Đại Lào.	100%
22	1515/2022/ NQ- HĐQT/LBM	30/9/2022	Thống nhất đầu tư các hạng mục sau: 1. Hệ thống ép bùn, máy tách đá, cát bùn thải bê tông tại trạm bê tông Tây Đại Lào. Giá trị: Khoảng 2 tỷ đồng (bao gồm VAT) (Thay thế cho hệ thống ép bùn, xử lý nước thải bê tông trị giá 784.000.000 đồng HĐQT đã thông qua tại Nghị quyết số 3b/2022/NQ-HĐQT/LBM ngày 28/3/2022). 2. Cối cát VSI và phễu pha hạt mịn vào đá 0x4cm tại Tây Đại Lào. Giá trị: 1.370.590.000 đồng (bao gồm VAT) Tổng cộng (1) + (2): 3.371.000.000 đồng (bao gồm VAT)	100%
23	16/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	01/11/2022	1. Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2022. 2. Thống nhất thông qua nội dung mua cổ phần của Công ty CP Thủy điện La Ngâu. Giao Chủ tịch HĐQT tiến hành đàm phán và ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng trên. 3. Thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 là 6% bằng tiền mặt (600 đồng/cổ phần). - Ngày đăng ký cuối cùng : 16/11/2022 - Ngày chi trả cổ tức: 30/11/2022	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	17/2022/ NQ-HĐQT/ LBM	03/11/2022	Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua đơn từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng Ban Kiểm soát và bầu bổ sung thành viên nhằm đảm bảo đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Cụ thể: - Ngày ban hành nghị quyết triệu tập Đại hội cổ đông bất thường: 03/11/2022. - Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông mời dự Đại hội: 24/11/2022. - Ngày tổ chức Đại hội: 20/12/2022.	100%
25	18/2022/ NQ- HĐQT/LBM	28/11/2022	1. Thống nhất thông qua nội dung tài liệu trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2022, 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội.	100%
26	19a/2022/ NQ- HĐQT/LBM	20/12/2022	Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc hủy bỏ đàm phán ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 35% dự án thủy điện La Ngâu tại Nghị quyết số 16/2022/NQHĐQT/LBM ngày 01/11/2022 của Hội đồng quản trị đã thông qua. Lý do hủy: Có nhiều nội dung thông tin mới phát sinh liên quan đến dự án và việc đàm phán không thành công.	100%
27	19b/2022/ NQ- HĐQT/LBM	20/12/2022	1. Thống nhất 100% thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 11 tháng 2022. 2. Thống nhất thanh lý xe bơm cần hiệu Junjin 49H 7371. Giá thanh lý: khoảng 2,2 tỷ đồng (gồm VAT). 3. Đầu tư mới 01 xe bơm cần 01 Xe bơm bê tông Zoomlion, cần 40m. Giá: 5.200.000.000 đồng (Bao gồm thuế nhập khẩu, VAT). 4. Đầu tư mới 01 trạm bê tông 180m ³ /h tại Đắc Nông. Giá: 5.890.000.000 đồng (Bao gồm thuế GTGT). 5. Thống nhất thông qua nội dung quyết toán quỹ lương đợt 1 theo kết quả kinh doanh 11 tháng năm 2022. Sau khi hoàn thành quyết toán kết quả sản xuất kinh doanh 12 tháng năm 2022 sẽ chi bổ sung phần còn lại. Tổng chi đợt 1: 23.503.125.000 đồng.	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 có 02 thành viên độc lập gồm ông Phạm Gia Sâm và ông Ngô Văn Minh. Như các thành viên khác trong HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua công khai, minh bạch.
- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá Hội đồng quản trị năm 2022 đã có những nỗ lực hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quyết định hiện hành.
- ✓ Các thành viên HĐQT độc lập đều tham gia các phiên họp của HĐQT trong năm 2022 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào công tác QTCT. Đồng thời, Các thành viên HĐQT còn đóng góp vào công tác tư vấn, phản biện các quyết định của HĐQT trên tinh thần thượng tôn pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, HĐQT đã phân công các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực: Nhân sự, tiền lương, đầu tư phát triển, kinh doanh, định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính kế toán...
- ✓ Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị đã được thành lập. Bộ phận này đã thực hiện công việc kiểm toán nội bộ Công ty trong năm 2022.
- ✓ Ngoài ra, Tổng Giám đốc đã thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ, Bộ phận thu hồi công nợ, Bộ phận chiến lược giá, Bộ phận môi trường để phục vụ công tác quản lý điều hành, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phát hiện, ngăn chặn và hạn chế các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO

TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: Không có.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG

TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: Không có.



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT (tính đến ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thị Thuý Nga	Trưởng Ban	0	0,00%	-	20/12/2022
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0	0,00%	30/06/2012	-
3	Trần Hùng Phương	Thành viên	200.260	1,00%	24/04/2021	-
4	Lê Thị Thuý	Trưởng Ban	0	0,00%	20/12/2022	-

(*) Tính tại ngày 16/11/2022

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

01

BÀ LÊ THỊ THỦY
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1987

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán.

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Trưởng BKS Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Trưởng phòng Tổ chức - hành chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

Số cổ phần nắm giữ tại ngày

16/11/2022: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

02

BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1987

Nơi sinh: Sơn La

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên BKS Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Kế toán viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày

16/11/2022: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

03

ÔNG TRẦN HÙNG PHƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978

Nơi sinh: Long An

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty:

Thành viên BKS độc lập Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Giám đốc Công ty TNHH Polychem; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng; Thành viên góp vốn Công ty TNHH Đồng Hành Xanh.

Số cổ phần nắm giữ tại ngày

16/11/2022: 200.260 cổ phần, chiếm 1,00% vốn điều lệ.

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM 2022

Miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Thuý Nga chức vụ Trưởng Ban kiểm soát vào ngày 20/12/2022.

Bổ nhiệm Bà Lê Thị Thuý chức vụ Thành viên Ban kiểm soát vào ngày 20/12/2022.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp, 09 lần lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành 27 Nghị quyết. Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Thường xuyên trao đổi thông tin tài liệu liên quan để thực hiện nghiệp vụ của BKS. Trình bày báo cáo của BKS tại Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2022, HĐQT và Ban điều hành đã hoạt động rất tích cực và đạt hiệu quả cao, hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trưởng BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Trong các cuộc họp có báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD từng tháng, quý, tiến độ đầu tư. Đánh giá tỷ lệ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đưa ra.

Năm 2022, Ban Kiểm soát đã nhận đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty

BAN KIỂM SOÁT

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thuý Nga	02	66,70%	Miễn nhiệm 20/12/2022
2	Nguyễn Thị Thu Hương	03	100%	-
3	Trần Hùng Phương	03	100%	-
4	Lê Thị Thuý	01	33,30%	Bổ nhiệm 20/12/2022

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Cuộc họp số 01-22/BKS/LBM	19/01/2022	Phân công công việc của các thành viên trong BKS để thực hiện báo cáo thẩm định và hoạt động của BKS trình ĐHCĐ năm 2022, lập kế hoạch công việc cần làm trong năm 2022 của TV BKS.
2	Cuộc họp số 02-22/BKS/LBM	31/10/2022	Đánh giá hoạt động kinh doanh và ý kiến về dự án đầu tư.
3	Cuộc họp số 03-22/BKS/LBM	20/11/2023	Bầu trưởng Ban Kiểm soát sau đại hội bất thường.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)
Thù lao năm 2022 của từng thành viên Hội đồng quản trị:			
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.010.000.000
2	Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	340.000.000
3	Ông Hữu Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	260.000.000
4	Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên HĐQT	260.000.000
5	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	260.000.000
6	Ông Ngô Văn Minh	Thành viên HĐQT	260.000.000
7	Ông Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	260.000.000
Tổng			2.650.000.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (đồng)
Thu nhập năm 2022 của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác			
1	Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	1.633.567.497
2	Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc	1.063.050.000
3	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	1.063.050.000
4	Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	1.063.050.000
5	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	877.225.000
6	Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	1.004.475.000
7	Ông Lê Thanh Hoà	Phó Tổng Giám đốc	900.450.000
8	Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	858.575.000
Tổng			8.463.442.497



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ tức đã chia (đồng)
Cổ tức đã chia cho từng Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác			
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	139.642.800
2	Ông Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	98.740.000
3	Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên HĐQT	20.300.000
4	Ông Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	92.600.000
5	Ông Lê Cao Quang	Thành viên HĐQT	63.780.400
6	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	19.800
7	Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc	6.600
8	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	4.400
9	Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc	2.906.000
10	Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	1.320.000
Tổng			419.320.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (đồng)
Tiền lương và chi phí hoạt động năm 2022 của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ			
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	460.250.000
2	Ông Trần Quang Thục	Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ	303.250.000
3	Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ	266.250.000
Tổng			1.029.750.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (đồng)
Tiền lương và chi phí hoạt động năm 2022 của từng thành viên Ban Kiểm soát			
1	Bà Nguyễn Thị Thuý Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	96.000.000
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	96.000.000
Tổng			252.000.000
Cổ tức đã chia cho từng Thành viên Ban Kiểm soát			
	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	220.286.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
3	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
4	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	Công ty cùng Tập đoàn
7	HDQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt



Trong năm Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

STT	Họ và tên	Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		16.948.760.321	18.322.139.362
2	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		831.263.636	728.461.634
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	01/2022/NQ-DHĐCĐ-LBM	17.040.146.868	9.023.686.372
4	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát		6.217.109.483	8.035.995.708
5	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40		69.963.640	-
Tổng			41.107.243.948	36.110.283.076
Mua hàng và sử dụng dịch vụ				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		15.547.729.156	4.242.216.602
2	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	01/2022/NQ-DHĐCĐ-LBM	34.379.242.587	36.986.391.575
3	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		23.010.096.313	26.337.367.328
4	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông		1.481.666.341	752.889.638
Tổng			74.418.734.397	68.318.865.143
Mua tài sản cố định				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	01/2022/NQ-DHĐCĐ-LBM	454.545.455	180.000.000
Tổng			454.545.455	180.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

STT	Họ và tên	Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
Cổ tức và lợi nhuận được chia				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		2.743.216.667	2.963.300.000
2	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	O1/2022/NQ-DHĐCĐ-LBM	16.913.601.484	14.966.057.426
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông		10.308.513.628	3.404.064.657
Tổng			29.965.331.779	21.333.422.083
Mượn vốn				
1	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	-	-	2.126.840.860
Tổng			-	2.126.840.860
Chi phí sử dụng vốn				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	-	2.154.999.403	594.417.628
Tổng			454.545.455	594.417.628

STT	Họ và tên	Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
Trả cổ tức				
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	O1/2022/NQ-DHĐCĐ-LBM	16.225.215.000	14.278.189.200
Tổng			16.225.215.000	14.278.189.200
Góp vốn				
1	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành		-	330.000.000
2	Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	O1/2022/NQ-DHĐCĐ-LBM	-	10.000.000
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông		23.000.000.000	-
Tổng			23.000.000.000	340.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2022

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán,...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Đình Quốc Khánh	Con rể của Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0%	Tháng 3: Mua 1.000 CP; Tháng 3: Bán 100 CP; Tháng 5: Bán 300 CP; Tháng 8: Mua 400 CP; Tháng 9: Thưởng CP tỷ lệ 1:1; Tháng 10: Bán 100 CP; Tháng 11: Bán 1.500 CP.
2	Nguyễn An Thái	Phó Chủ tịch HĐQT, TGD	85.100	0,85%	76.400	0,38%	Bán 46.900 CP
3	Nguyễn Thị Sương	Vợ của TV HĐQT Hữu Văn Tuấn	0	0	1.500	0,001%	Mua 1.500 CP
4	Phạm Gia Sâm	TV HĐQT	20.000	0,20%	18.000	0,09%	Bán 11.000 CP
5	Mai Nam Dương	TV HĐQT	26.200	0,26%	85.000	0,42%	Tháng 1: Bán 1.100 CP; Tháng 3: Mua 15.700 CP; Tháng 4: Mua 900 CP; Tháng 5: Mua 500 CP
5.1	Mai Trung Khuôn	Cha	17.960	0,18%	23.720	0,12%	Tháng 1: Bán 5.200 CP; Tháng 3: Bán 1.000 CP
5.2	Phan Thị Đoài	Vợ	3.020	0,03%	6.640	0,03%	Tháng 3: Mua 300 CP
5.3	Nguyễn Thị Yên	Em dâu	1.460	0,01%	5.320	0,02%	Tháng 3: Mua 1.000 CP; Tháng 4: Mua 1.600 CP
5.4	Mai Thị Quỳnh Trang	Con của TV HĐQT	30.510	0,30%	61.620	0,30%	Tháng 4: Mua 300 CP

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán,...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
6	Trần Hùng Phương	TV BKS	300.130	3,00%	200.260	1,00%	Tháng 3: Bán 200.000 CP
7	Lê Cao Quang	Phó TGD	23.552	0,23%	65.164	0,32%	Mua 10.030 CP
8	Lê Nam Đồng	Phó TGD	1.106	0,01%	3.000	0,015%	Mua 400 CP
9	Lê Thanh Hòa	Phó TGD	82.500	0,41%	132.000	0,66%	Bán 33.000 CP
10	Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng	1.100	0,01%	1.200	0,01%	Bán 500 CP
11	Trần Xuân Tâm	Người Phụ trách Quản trị - Thư ký	501	0,005%	1.102	0,005%	Tháng 7: Mua 100 CP

(*) Số CP sau khi phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1:1.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Công ty. Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện tất cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2022 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHCĐ để ra và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực quản trị Công ty.

Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, LBM đã áp dụng các giải pháp và kế hoạch như sau:

- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp Website Công ty để cập nhật, công bố thông tin đầy đủ và kịp thời đến cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư, nhằm giúp tăng tính minh bạch, đồng thời cải thiện hình ảnh và đánh giá của Công ty trên thị trường.
- Để đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin đối với nhà đầu tư, Công ty duy trì tuân thủ các quy định về công bố thông tin với UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Website theo đúng quy định của Pháp luật để cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà đầu tư.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

130 Ý kiến kiểm toán

128 Báo cáo tài chính



Ý KIẾN KIỂM TOÁN



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 319 /2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3527-2021-026-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		314.974.858.712	217.666.050.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	91.532.223.138	49.313.168.982
1. Tiền	111		33.532.223.138	19.277.724.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.000.000.000	30.035.444.362
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.361.331.955	97.803.277.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	78.323.771.052	69.685.730.945
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	21.853.674.071	43.778.912.235
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	17.124.108.845	6.343.803.180
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(22.940.222.013)	(22.005.169.009)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	128.410.629.891	68.034.298.178
1. Hàng tồn kho	141		129.961.434.760	69.585.103.047
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		670.673.728	2.515.306.116
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	175.600.500	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	470.642.828	1.528.732.235
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	24.430.400	986.573.881
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		398.032.317.442	326.411.509.536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.323.367.269	1.728.088.417
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.323.367.269	1.728.088.417
II. Tài sản cố định	220		362.716.604.563	300.203.457.331
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	347.942.339.157	278.125.321.432
Nguyên giá	222		768.655.899.802	630.590.398.483
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(420.713.560.645)	(352.465.077.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	14.774.265.406	22.078.135.899
Nguyên giá	228		19.929.726.974	26.947.843.599
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.155.461.568)	(4.869.707.700)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.677.501.014	5.374.089.221
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	14.677.501.014	5.374.089.221
IV. Tài sản dài hạn khác	260		18.314.844.596	19.105.874.567
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	15.791.425.649	17.109.659.635
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	4.17	2.523.418.947	1.996.214.932
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		713.007.176.154	544.077.560.163

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		179.504.113.691	109.496.854.135
I. Nợ ngắn hạn	310		178.517.613.691	108.510.354.135
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	59.939.839.440	50.075.189.729
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	4.378.020.883	8.329.470.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	42.386.204.809	18.788.432.042
4. Phải trả người lao động	314		41.646.851.133	25.154.678.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	1.406.524.100	2.789.438.129
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.980.225.557	2.501.565.806
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	24.918.368.315	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		861.579.454	871.579.454
II. Nợ dài hạn	330		986.500.000	986.500.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		986.500.000	986.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		533.503.062.463	434.580.706.028
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	533.503.062.463	434.580.706.028
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	60.570.786.237
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		221.945.285.914	199.037.371.599
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.023.996.586	69.940.365.042
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.014.436.181	3.185.694.636
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106.009.560.405	66.754.670.406
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.533.779.963	5.032.183.150
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		713.007.176.154	544.077.560.163

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.113.267.981.194	788.120.043.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	295.327.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.113.267.981.194	787.824.716.215
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	852.321.476.282	607.303.578.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		260.946.504.912	180.521.137.730
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.533.487.612	1.111.057.233
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.147.143.690	512.440.558
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		824.227.032	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	3.342.499.860	2.664.174.044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	107.435.397.997	78.622.408.223
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.554.950.977	99.833.172.138
11. Thu nhập khác	31	5.7	2.975.815.244	1.663.813.891
12. Chi phí khác	32	5.8	1.899.224.101	874.398.207
13. Lợi nhuận khác	40		1.076.591.143	789.415.684
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151.631.542.120	100.622.587.822
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	30.719.689.700	19.783.821.970
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	(527.204.015)	(1.317.148.308)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		121.439.056.435	82.155.914.160
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		121.158.169.882	81.754.670.406
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		280.886.553	401.243.754
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	6.058	4.088
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.5	6.058	4.088

39/ DN TN Q&A 1/21

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		151.631.542.120	100.622.587.822
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	74.170.755.601	61.021.926.588
Các khoản dự phòng	03		935.053.004	1.128.515.278
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		174.623.664	51.339.516
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.699.438.255)	(2.106.303.498)
Chi phí lãi vay	06		824.227.032	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		226.036.763.166	160.718.065.706
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		3.931.846.428	(16.442.240.706)
Tăng hàng tồn kho	10		(60.376.331.713)	(17.983.071.113)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.488.849.206	58.941.689.437
Giảm chi phí trả trước	12		1.142.633.486	2.892.360.708
Tiền lãi vay đã trả	14		(613.424.115)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(6.065.525.891)	(23.173.609.352)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		166.534.810.567	164.953.194.680
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(130.578.739.663)	(154.467.767.938)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.817.895.623	1.672.206.431
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(330.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	1.218.042.978	669.412.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.872.801.062)	(152.126.148.699)

(Xem tiếp trang sau)

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	108.538.967.515	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(83.620.599.200)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.18.1	(22.186.700.000)	(25.260.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.731.668.315	(25.260.925.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		42.393.677.820	(12.433.879.019)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		49.313.168.982	61.850.855.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(174.623.664)	(103.807.271)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	91.532.223.138	49.313.168.982

Phê duyệt

Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	64,90	64.900.860.000	64,90
Các cổ đông khác	70.198.280.000	35,10	35.099.140.000	35,10
Cộng	200.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp Hiệp An	Quốc Lộ 20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, xã Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 1	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực 2	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 là 774 (31/12/2021 là: 688).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	100,00%	100,00%
2.	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	94,39%	94,39%
3.	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông, Việt Nam.	100,00%	100,00%
4.	Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 02 - 16 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 12 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| ▪ Cây lâu năm và tài sản khác | 03 - 07 năm |

LƯU Ý

LƯU Ý

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- 87 Phù Đổng Thiên Vương, thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Đã trích hết khấu hao.
- XI Nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- XI Nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- XI Nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2056.
- Thửa đất số: 13, Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 64 Tờ bản đồ số: 5; Thửa đất số: 27 Tờ bản đồ số: 15, Thửa đất số: 84 Tờ bản đồ số: 16, Thửa đất số: 27 Tờ bản đồ số: 22, Thửa đất số: 63 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 29 Tờ bản đồ số 22, Thửa đất số: 61 Tờ bản đồ số: 15, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056, đến 15/10/2056, đến 01/07/2064, đến 01/07/2064, đến 2050, đến 2050, đến 03/2058, đến 2050.
- Thửa đất số: 119 Tờ bản đồ số: 56, Thửa đất số: 110 Tờ bản đồ số: 56, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến 15/10/2044.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang là quyền sử dụng đất đang chờ hoàn tất đầy đủ giấy tờ hợp lý hợp lệ, bao gồm:

- Thửa đất số: 79, Tờ bản đồ số: 12, thôn Thuận Trung, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2063.
- Thửa đất số: 184, 185, 181 Tờ bản đồ số: 61, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến 01/07/2064, trong đó có 1.636 m² sử dụng đến 15/10/2048.
- Thửa đất số: 65 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 20 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 11 Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056 và đến 2057.
- Thửa đất số: 104 Tờ bản đồ số: 1, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2061.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ ngay số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu ống sứ: 0%
- Các dịch vụ khác: 10%

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thương vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	2.189.689.262	878.143.856
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.342.533.876	18.399.580.764
Các khoản tương đương tiền	58.000.000.000	30.035.444.362
Cộng	91.532.223.138	49.313.168.982

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 6%/năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	3.807.269.827	2.867.226.157
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Các khách hàng khác (*)	65.713.938.170	58.015.941.733
Cộng	78.323.771.052	69.685.730.945

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.512.000.000	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Nguyễn Viết Lương (*)	8.195.416.799	8.195.416.799
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt (**)	3.020.123.000	3.020.123.000
Các nhà cung cấp khác (***)	6.126.134.272	28.051.372.436
Cộng	21.853.674.071	43.778.912.235

(*) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019.

(**) Là khoản trả trước cho việc lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và gia hạn giấy phép khai thác mỏ Cao Lanh khu vực xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản bentonite và sét gạch ngói số 37/GP-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2007 tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

(***) Tại ngày 31/12/2022, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.600.000.000	-	-	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	7.120.186.266	-	1.037.380.972	-
Phải thu khác	978.048.713	(123.941.974)	880.548.342	(83.170.158)
Cộng	17.124.108.845	(4.549.815.840)	6.343.803.180	(4.509.044.024)
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.323.367.269	-	1.728.088.417	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	20.389.799.598	1.999.393.425	20.586.943.400	3.090.818.415
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.551.340.840	1.525.000	4.510.785.638	1.741.614
Cộng	24.941.140.438	2.000.918.425	25.097.729.038	3.092.560.029

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	16.138.577.383	2.000.918.425		16.295.165.983	3.092.560.029	
Cộng	24.941.140.438	2.000.918.425		25.097.729.038	3.092.560.029	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85.611.126.429	-	39.941.104.805	-
Công cụ, dụng cụ	1.883.632.142	-	1.414.310.866	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.942.971.908	-	3.366.755.512	-
Thành phẩm	37.142.092.799	(835.242.862)	23.362.923.472	(835.242.862)
Hàng hóa	1.381.611.482	(715.562.007)	1.500.008.392	(715.562.007)
Cộng	129.961.434.760	(1.550.804.869)	69.585.103.047	(1.550.804.869)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Xây dựng dự án mỏ đá Tây Đại Lào	4.555.032.212	-
Xây dựng dự án Hiệp An	917.876.197	622.500.518
Nâng cấp trạm trộn Nhân Cơ	910.832.581	-
Xây dựng hệ thống sân bãi mặt bằng Tây Đại Lào	-	3.767.979.730
Xây dựng hệ thống cát nghiền Đại Lào	-	598.785.039
Mua quyền sử dụng đất	7.047.005.500	-
Khác	1.246.754.524	384.823.934
Cộng	14.677.501.014	5.374.089.221

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2022	101.950.907.318	307.723.082.138	218.163.974.044	1.695.415.225	520.611.939	536.407.819	630.590.398.483
Mua trong năm	1.144.288.165	71.669.364.921	61.252.925.943	622.390.571	-	-	134.688.969.600
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.837.798.265	1.019.109.964	2.492.641.975	-	-	-	11.349.550.204
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.479.181.819)	(493.836.666)	-	-	-	(7.973.018.485)
Tại ngày 31/12/2022	110.932.993.748	372.932.375.204	281.415.705.296	2.317.805.796	520.611.939	536.407.819	768.655.899.802
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2022	54.133.154.844	176.488.062.614	120.194.292.719	812.547.116	520.611.939	316.407.819	352.465.077.051
Khấu hao trong năm	8.350.050.613	30.646.854.290	34.537.019.689	351.077.141	-	-	73.885.001.733
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.142.681.473)	(493.836.666)	-	-	-	(5.636.518.139)
Tại ngày 31/12/2022	62.483.205.457	201.992.235.431	154.237.475.742	1.163.624.257	520.611.939	316.407.819	420.713.560.645
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2022	47.817.752.474	131.235.019.524	97.969.681.325	882.868.109	-	220.000.000	278.125.321.432
Tại ngày 31/12/2022	48.449.788.291	170.940.139.773	127.178.229.554	1.154.181.539	-	220.000.000	347.942.339.157

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 203.794.137.462 VND.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hàm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	23.902.948.501	2.528.795.098	516.100.000	26.947.843.599
Mua trong năm	28.888.875	-	-	28.888.875
Giảm khác	(7.047.005.500)	-	-	(7.047.005.500)
Tại ngày 31/12/2022	16.884.831.876	2.528.795.098	516.100.000	19.929.726.974
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	1.824.812.602	2.528.795.098	516.100.000	4.869.707.700
Khấu hao trong năm	285.753.868	-	-	285.753.868
Tại ngày 31/12/2022	2.110.566.470	2.528.795.098	516.100.000	5.155.461.568
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	22.078.135.899	-	-	22.078.135.899
Tại ngày 31/12/2022	14.774.265.406	-	-	14.774.265.406

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.165.681.098 VND.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước phục vụ cho việc sửa chữa công cụ dụng cụ	175.600.500	-
Dài hạn:		
Quyền khai thác khoáng sản	14.508.062.380	16.239.025.029
Các khoản khác	1.283.363.269	870.634.606
Cộng	15.791.425.649	17.109.659.635

Trong đó, quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	13.274.306.654	14.692.142.062
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.016.935.659	1.042.674.751
Quyền khai thác mỏ Tutra	216.820.067	216.820.067
Quyền khai thác mỏ Tam Bô	-	5.476.086
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	-	281.912.063
Cộng	14.508.062.380	16.239.025.029

(Xem tiếp trang sau)

(2/ 4 10 13)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	8.094.808.512	8.094.808.512
Phải trả cho người bán:		
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	10.017.276.606	10.017.276.606
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	2.999.206.692	2.999.206.692
Phải trả cho các đối tượng khác	38.828.547.630	38.828.547.630
Cộng	59.939.839.440	59.939.839.440

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phúc Minh	459.900.000	-
Các khách hàng khác	3.918.120.883	8.329.470.491
Cộng	4.378.020.883	8.329.470.491

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	470.642.828	7.611.818.898	15.422.288.300	15.779.989.036	1.528.732.235	7.498.876.806
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.265.808.380	1.265.808.380	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.050.448.250	30.719.689.700	6.065.525.891	962.143.481	1.358.427.922
Thuế thu nhập cá nhân	-	634.880.036	2.940.102.722	2.756.414.251	-	451.191.565
Thuế tài nguyên	22.903.500	5.132.713.274	16.524.852.549	14.574.396.477	22.903.500	3.182.257.202
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	2.994.460.611	6.951.300.402	9.075.802.358	-	5.118.962.567
Các loại thuế khác	-	961.883.740	2.678.454.772	2.895.287.012	-	1.178.715.980
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	19.285.874	19.285.874	1.526.900	-
Cộng	495.073.228	42.386.204.809	76.521.782.699	52.432.509.279	2.515.306.116	18.788.432.042

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước phí hoàn nguyên môi trường	1.343.590.733	1.193.255.794
Các khoản trích trước khác	62.933.367	1.596.182.335
Cộng	1.406.524.100	2.789.438.129

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	612.264.507	638.271.198
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.367.961.050	1.863.294.608
Cộng	2.980.225.557	2.501.565.806

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	16.385.629.515	16.385.629.515	75.971.195.685	59.585.566.170	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	8.532.738.800	8.532.738.800	32.567.771.830	24.035.033.030	-	-
Cộng	24.918.368.315	24.918.368.315	108.538.967.515	83.620.599.200	-	-

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Hạn mức vay: 50.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 6,00%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:

Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
 Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 7,73%/năm.
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo

4.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.523.418.947	1.996.214.932

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2021	100.000.000.000	60.570.786.237	156.259.924.700	55.168.760.927	6.276.185.003	378.275.656.867
Lãi trong năm trước	-	-	-	81.754.670.406	401.243.754	82.155.914.160
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	42.777.446.899	(42.777.446.899)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(25.000.000.000)	(260.925.000)	(25.260.925.000)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	794.380.608	(1.384.320.607)	(589.939.999)
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	199.037.371.599	69.940.365.042	5.032.183.150	434.580.706.028
Tăng vốn trong năm nay	100.000.000.000	(60.570.786.237)	(39.429.213.763)	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	121.158.169.882	280.886.553	121.439.056.435
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	62.337.128.078	(62.337.128.078)	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(10.000.000.000)	(186.700.000)	(10.186.700.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(12.000.000.000)	-	(12.000.000.000)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	262.589.740	(592.589.740)	(330.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	200.000.000.000	-	221.945.285.914	107.023.996.586	4.533.779.963	533.503.062.463

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	64.900.860.000
Các cổ đông khác	70.198.280.000	35.099.140.000
Cộng	200.000.000.000	100.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	121.158.169.882	81.754.670.406
Lãi hợp nhất sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	121.158.169.882	81.754.670.406
Số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	6.058	4.088

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Báo cáo tình hình vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

Số thứ tự	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Hình thức phát hành	Cổ phiếu thường
4	Mệnh giá	10.000 VND/cổ phần
5	Số lượng cổ phiếu phát hành	10.000.000 cổ phiếu
6	Giá trị phát hành	100.000.000.000 VND
7	Tỷ lệ thực hiện quyền	01:01. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 01 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.
8	Nguồn vốn phát hành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thặng dư vốn cổ phần: 60.570.786.237 ▪ Quỹ đầu tư phát triển: 39.429.213.763 Căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán
9	Ngày hoàn thành đợt phát hành	25/07/2022

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
USD	976,17	8.745,92
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ	72.690.106.568	59.143.866.390
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	33.940.464.581	30.045.337.006
Doanh thu gạch	31.406.181.005	21.374.521.370
Doanh thu cao lanh	11.864.413.499	12.029.520.466
Doanh thu bê tông	960.876.045.945	663.153.104.848
Doanh thu điện năng lượng mặt trời	2.490.769.596	2.373.693.408
Tổng cộng	1.113.267.981.194	788.120.043.488

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

18.322.139.362 17.018.723.961

Doanh thu năm nay tăng hơn 41% so với năm trước chủ yếu là do sản lượng bê tông tiêu thụ trong năm tăng hơn 26% so với năm trước.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ	21.268.509.972	28.339.310.878
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	24.791.298.249	22.126.819.386
Giá vốn gạch	9.228.288.954	6.685.083.312
Giá vốn cao lanh	10.506.085.571	8.939.113.509
Giá vốn bê tông	785.056.427.376	539.913.762.004
Giá vốn điện năng lượng mặt trời	1.470.866.160	1.299.489.396
Cộng	852.321.476.282	607.303.578.485

Giá vốn năm nay tăng hơn 40% so với năm trước tương ứng với doanh thu tăng trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	1.218.042.978	669.412.808
Lãi chênh lệch tỷ giá	315.444.634	441.644.425
Cộng	1.533.487.612	1.111.057.233

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	824.227.032	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	309.932.364	507.224.904
Chi phí tài chính khác	12.984.294	5.215.654
Cộng	1.147.143.690	512.440.558

Chi phí tài chính năm nay tăng hơn 124% so với năm trước chủ yếu là do phát sinh lãi tiền vay trong năm nay.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	215.164.362	231.659.949
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.436.878.193	1.327.430.395
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	379.218.981	238.151.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	29.533.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.069.915	174.937.416
Chi phí bằng tiền khác	1.060.635.077	662.461.248
Cộng	3.342.499.860	2.664.174.044

Chi phí bán hàng tăng hơn 25% so với năm trước chủ yếu là do tăng chi phí thí nghiệm nén bê tông tương ứng với việc tăng sản lượng tiêu thụ bê tông trong năm nay.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	76.588.125.775	53.131.906.419
Chi phí vật liệu quản lý	2.813.952.934	1.831.241.078
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.591.990.077	1.692.559.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.983.808.655	6.746.934.655
Thuế, phí và lệ phí	1.746.210.875	1.161.906.809
Chi phí dự phòng	935.053.004	1.128.515.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.064.872.111	2.242.740.081
Chi phí bằng tiền khác	12.711.384.566	10.686.604.576
Cộng	107.435.397.997	78.622.408.223

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng hơn 37% so với năm trước chủ yếu là chi phí nhân viên quản lý tăng tương ứng với doanh thu tăng trong năm theo chính sách của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	463.668.004	1.451.490.671
Xử lý công nợ	126.305.014	75.386.931
Bán phế liệu	300.000.000	-
Thu nhập khác	2.085.842.226	136.936.289
Cộng	2.975.815.244	1.663.813.891

5.8. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản bị phạt	279.782.967	750.319.227
Xử lý công nợ	20.765.256	28.023.140
Các khoản khác	1.598.675.878	96.055.840
Cộng	1.899.224.101	874.398.207

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	553.064.632.298	332.972.977.514
Chi phí nhân công	179.209.406.392	133.326.832.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.170.755.601	61.021.926.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.839.145.633	129.342.958.356
Chi phí khác bằng tiền	34.269.532.227	39.634.872.068
Cộng	977.553.472.151	696.299.567.058

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	151.631.542.120	100.622.587.822
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.293.137.322	3.326.423.819
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.114.681.599)	(2.636.045.528)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	152.809.997.843	101.312.966.113
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	30.561.999.569	20.262.593.223
Cộng: Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	341.063.332	403.891.574
Trừ: Giảm 50% thuế TNDN được ưu đãi	(183.373.201)	(556.670.897)
Trừ: Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 406/NQ – UBTVQH15 của UBTV Quốc hội	-	(325.991.930)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30.719.689.700	19.783.821.970

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1,6 tỷ, chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND
Tại ngày 01/01/2021	(679.066.624)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(1.317.148.308)
Tại ngày 01/01/2022	(1.996.214.932)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(527.204.015)
Tại ngày 31/12/2022	(2.523.418.947)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	108.538.967.515	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(83.620.599.200)	-

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao kho vận và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực;
- Sản xuất và bán điện năng lượng mặt trời

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gómsử chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Đá, bê tông VND	Điện năng lượng mặt trời VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	115.309.979.300	33.940.464.581	60.736.729.550	11.864.413.499	970.772.235.105	2.490.769.596	(81.846.610.437)	1.113.267.981.194
GVHB	73.691.302.043	25.348.438.057	40.357.396.565	9.940.901.200	780.741.344.440	1.470.866.160	(79.228.772.183)	852.321.476.282
Lãi gộp	41.618.677.257	8.592.026.524	20.379.332.985	1.923.512.299	190.030.890.665	1.019.903.436	(2.617.838.254)	260.946.504.912
Chi phí bán hàng	82.457.912	1.816.097.174	3.314.608	227.260.912	1.213.369.254	-	-	3.342.499.860
Chi phí QLDN	1.705.195.425	4.331.183.680	9.190.797.839	2.275.842.014	89.797.920.352	134.458.687	-	107.435.397.997
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	39.831.023.920	2.444.745.670	11.185.220.538	(579.590.627)	99.019.601.059	885.444.749	(2.617.838.254)	150.168.607.055
Doanh thu tài chính	22.664.631.445	179.084.081	596.221.658	14.024.149	7.195.623	170.367	(21.927.839.711)	1.533.487.612
Chi phí tài chính	1.611.867.279	117.526.669	-	12.167.370	-	-	(594.417.628)	1.147.143.690
Lợi nhuận HĐ tài chính	21.052.764.166	61.557.412	596.221.658	1.856.779	7.195.623	170.367	(21.333.422.083)	386.343.922
Thu nhập khác	873.372.022	1.498.192	50.321.669	19.573.893	2.035.446.888	13.784.398	(18.181.818)	2.975.815.244
Chi phí khác	1.126.483.829	357.801	52.605	599	770.485.579	1.843.688	-	1.899.224.101
Lợi nhuận khác	(253.111.807)	1.140.391	50.269.064	19.573.294	1.264.961.309	11.940.710	(18.181.818)	1.076.591.143
Tổng lợi nhuận trước thuế	60.630.676.279	2.507.443.473	11.831.711.260	(558.160.554)	100.291.757.991	897.555.826	(23.969.442.155)	151.631.542.120
Chi phí thuế TNDN hiện hành								30.719.689.700
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								(527.204.015)
Lợi nhuận sau thuế								121.439.056.435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gómsử chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, bê tông	Điện năng lượng mặt trời	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
86.112.480.551	25.346.441.079	45.357.656.587	8.860.239.876	724.964.185.426	1.860.084.875	(182.017.331.187)	710.483.757.207
2.523.418.947	-	-	-	-	-	-	2.523.418.947
88.635.899.498	25.346.441.079	45.357.656.587	8.860.239.876	724.964.185.426	1.860.084.875	(182.017.331.187)	713.007.176.154
Nợ phải trả của bộ phận	26.360.916.175	7.759.100.706	13.884.972.022	2.712.313.467	221.927.414.004	(93.710.015.399)	179.504.113.691
Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gómsử chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, bê tông	Điện năng lượng mặt trời	Loại trừ	Tổng cộng
Năm 2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND
107.404.080.606	-	1.965.459.161	-	36.697.868.912	-	-	146.067.408.679
7.987.001.569	848.024.016	2.254.388.665	399.446.836	62.681.894.515	-	-	74.170.755.601

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gồm sử dụng VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Đá, bê tông VND	Điện năng lượng mặt trời VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	103.104.376.710	30.045.337.006	47.319.312.615	12.029.520.466	675.893.819.420	2.373.693.408	(82.941.343.410)	787.824.716.215
GVHB	65.951.286.395	22.126.819.386	32.410.849.636	8.939.113.509	552.949.803.849	1.299.489.396	(76.373.783.686)	607.303.578.485
Lãi gộp	37.153.090.315	7.918.517.620	14.908.462.979	3.090.406.957	122.944.015.571	1.074.204.012	(6.567.559.724)	180.521.137.730
Chi phí bán hàng	22.357.504	1.576.082.099	1.615.910	248.961.199	815.157.332	-	-	2.664.174.044
Chi phí QLDN	1.487.484.761	3.874.272.538	6.356.366.306	2.309.992.559	63.975.988.736	111.764.025	506.539.298	78.622.408.223
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	35.643.248.050	2.468.162.983	8.550.480.763	531.453.199	58.152.869.503	962.439.987	(7.074.099.022)	99.234.555.463
Doanh thu tài chính	30.827.497.962	-	2.380.448.425	-	23.209.525	232.503	(32.120.331.182)	1.111.057.233
Chi phí tài chính	2.679.419.552	(17.396.940)	-	201.695	5.087.922	127.732	(2.154.999.403)	512.440.558
Lợi nhuận HĐ tài chính	28.148.078.410	17.396.940	2.380.448.425	(201.695)	18.121.603	104.771	(29.965.331.779)	598.616.675
Thu nhập khác	1.491.756.409	110.141.985	45.659.112	149.087.350	105.896.704	169.909	(238.897.578)	1.663.813.891
Chi phí khác	368.876.870	1.446.543	28.732.770	1.473.146	469.869.996	3.998.882	-	874.398.207
Lợi nhuận khác	1.122.879.539	108.695.442	16.926.342	147.614.204	(363.973.292)	(3.828.973)	(238.897.578)	789.415.684
Tổng lợi nhuận trước thuế	64.914.205.999	2.594.255.365	10.947.855.530	678.865.708	57.807.017.814	958.715.785	(37.278.328.379)	100.622.587.822
Chi phí thuế TNDN hiện hành								19.783.821.970
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								(1.317.148.308)
Lợi nhuận sau thuế								82.155.914.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác:

Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Tại ngày 01/01/2022 VND	Gồm sử dụng VND	Gạch Tại ngày 01/01/2022 VND	Cao lanh Tại ngày 01/01/2022 VND	Đá, bê tông Tại ngày 01/01/2022 VND	Điện năng lượng mặt trời Tại ngày 01/01/2022 VND	Loại trừ Tại ngày 01/01/2022 VND	Tổng cộng Tại ngày 01/01/2022 VND
86.323.868.560	25.155.379.484	39.617.970.186	10.071.684.410	566.137.586.818	1.987.368.571	(187.212.512.798)	542.081.345.231
1.996.214.932	-	-	-	-	-	-	1.996.214.932
88.320.083.492	25.155.379.484	39.617.970.186	10.071.684.410	566.137.586.818	1.987.368.571	(187.212.512.798)	544.077.560.163
Nợ phải trả của bộ phận	7.272.834.565	11.454.207.764	2.911.889.863	163.679.701.705	574.580.989	(101.354.013.069)	109.496.854.135
Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Năm 2021 VND	Gồm sử dụng VND	Gạch Năm 2021 VND	Cao lanh Năm 2021 VND	Đá, bê tông Năm 2021 VND	Điện năng lượng mặt trời Năm 2021 VND	Loại trừ Năm 2021 VND	Tổng cộng Năm 2021 VND
8.295.081.819	-	-	-	123.922.963.244	220.715.760	(220.715.760)	132.218.045.063
5.844.947.054	857.918.848	2.214.286.860	478.894.015	51.625.879.811	-	-	61.021.926.588

Tập đoàn không có báo cáo bổ phân theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
3. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Công ty cùng tập đoàn
7. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.2:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	3.807.269.827	2.867.226.157
	<u>Tại ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.3:

Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (*)	4.512.000.000	4.512.000.000
--	---------------	---------------

(*) Đây là khoản ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng các Thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích là 9.129,8 m².

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu người lao động – Xem thêm Mục 4.4:		
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc (*)	4.600.000.000	-

(*) Đây là khoản phải thu từ ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với diện tích 3.990 m², theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.

	<u>Tại ngày 31/12/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.11:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(8.094.808.512)	(8.931.640.163)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	18.322.139.362	16.948.760.321
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	-	69.963.640
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	18.322.139.362	17.018.723.961
	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>

Mua hàng:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	4.242.216.602	15.547.729.156
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	794.000.000	-
Cộng	5.036.216.602	15.547.729.156
	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>

Mua tài sản cố định

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	180.000.000	454.545.455
	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>

Trả cổ tức:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	14.278.189.200	16.225.215.000
--	----------------	----------------

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	1.010.000.000	780.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT	476.000.000	186.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	260.000.000	90.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	260.000.000	80.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	260.000.000	40.000.000
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	260.000.000	40.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	260.000.000	40.000.000
Cộng	2.786.000.000	1.256.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc Tập đoàn	1.633.567.497	1.193.250.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	1.063.050.000	734.250.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	1.063.050.000	691.050.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	1.063.050.000	755.250.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	877.225.000	666.050.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	960.475.000	672.250.000
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	900.450.000	-
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng Tập đoàn	858.575.000	420.250.000
Ông Trần Huy Phong - Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	445.250.000	350.250.000
Ông Nguyễn Xuân Vinh – Phó Giám đốc Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	462.250.000	362.250.000
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	420.000.000	420.000.000
Bà Phan Thị Thoa - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	225.000.000	194.000.000
Ông Hồ Sỹ Đồng - Giám đốc điều hành mở Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	132.000.000	135.000.000
Ông Nguyễn Hữu Dũng - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	318.000.000	282.000.000
Ông Lê Văn Hải - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	144.000.000	156.000.000
Ông Võ Văn Huệ - Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông	216.000.000	-
Cộng	10.565.942.497	7.031.850.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	139.642.800	158.685.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn	98.740.000	262.500.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	20.300.000	50.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	92.600.000	84.800.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	63.780.400	31.380.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	19.800	22.500
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	6.600	7.500
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	4.400	5.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn	2.906.000	2.106.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng Tập đoàn	1.320.000	2.350.000
Cộng	419.320.000	591.856.000

9. THU NHẬP CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ	460.250.000	-
Ông Trần Quang Thục – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	303.250.000	-
Bà Huỳnh Thị Quế Hương – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	266.250.000	-
Cộng	1.029.750.000	-

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn	60.000.000	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	96.000.000	54.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	96.000.000	18.000.000
Ông Trần Đại Hiền - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	24.000.000
Ông Phan Ngọc Sơn - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Nam Đồng - Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	44.000.000	24.000.000
Cộng	344.000.000	224.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn	220.286.000	1.250.325.000

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2021 VND	Năm 2021 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.088	8.175
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.088	8.175

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trong năm có thay đổi số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm từ thặng dư vốn cổ phần và Quý đầu tư phát triển để bảo đảm tính so sánh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

 0263 3 554 022

 lbm@lbm-vn.vn

 <http://lbm-vn.vn/>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH



Lê Đình Hiến

